



DANH MỤC SẢN PHẨM 2026

Nhà ở lắp ghép & nhà container

Nhà container tháo lắp

Nhà container dạng phẳng

Nhà container gấp gọn

Nhà container gấp gọn chữ Z

Nhà container mở rộng

Nhà container tôn sóng

Nhà lắp ghép kiểu K

Nhà vệ sinh di động

Tấm panel & panel phòng sạch

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NHÀ Ở LẮP GHÉP ĐÔNG PHƯƠNG LIÊN KIẾN

Địa chỉ Trụ Sở Chính: Tdp kép, phường tự lạn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Hotline / Zalo / WhatsApp: **+86 152 5050 8864**



Mục lục

Giải pháp nhà ở lắp ghép cho khu lán trại, văn phòng, ký túc xá, không gian thương mại và phòng sạch.

01 Giới thiệu công ty

Giới thiệu chung	003
Năng lực sản xuất	004

02 Nhà container tháo lắp

Giới thiệu	005
Ưu điểm	006
Màu sắc	007
Tùy chỉnh nội thất	008

03 Nhà container dạng phẳng

Giới thiệu	025
Ưu điểm	026
Thông số kỹ thuật	027
Sơ đồ kết cấu	028

04 Nhà container gấp gọn

Giới thiệu	041
Ưu điểm	042
Quy trình lắp đặt	043
Đóng hàng xuất khẩu	044

05 Nhà container gấp gọn chữ Z

Giới thiệu	055
Đóng hàng xuất khẩu	056
Bảng vật tư	057
Công trình thực tế	059

06 Nhà container mở rộng

Giới thiệu	062
Đóng hàng xuất khẩu	063
Bảng vật tư	064
Công trình thực tế	066

07 Nhà container tôn sóng

Giới thiệu	082
Ưu điểm	083
Cấu tạo & hoàn thiện	084
Mối hàn toàn khối	085

08 Nhà lắp ghép kiểu K

Giới thiệu	099
Ưu điểm	100
Bảng vật tư & sơ đồ	101
Vật liệu cơ bản	102

09 Nhà vệ sinh di động

Tổng quan sản phẩm	112
Bảng vật tư	113
Chi tiết vật liệu	114
Công trình thực tế	116

10 Tấm panel & panel phòng sạch

Tổng quan	127
Tấm bông khoáng	128
Tấm EPS	130
Tấm silicat	132

11 Liên hệ

Thông tin liên hệ	145
-------------------	-----

Giới thiệu công ty

Nhà ở lắp ghép & nhà container theo yêu cầu

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NHÀ Ở LẮP GHÉP ĐÔNG PHƯƠNG LIÊN KIẾN chuyên cung cấp giải pháp nhà ở lắp ghép và nhà container cho các nhà thầu, khu lán trại công trường, văn phòng, ký túc xá, không gian thương mại và công trình tạm.

Sản phẩm gồm nhà container, container tháo lắp, container dạng phẳng, container gấp gọn, nhà mở rộng, nhà tiền chế, tấm panel phòng sạch và kết cấu thép đồng bộ. Mỗi công trình được cấu hình linh hoạt theo mục đích sử dụng, kích thước, vật liệu, cửa đi – cửa sổ, cách nhiệt, chống cháy và phương thức vận chuyển, phù hợp với khu lán trại, văn phòng tạm, ký túc xá công nhân, không gian thương mại, kho bãi và nhà ở khẩn cấp.

Sản xuất tại nhà máy

Thiết kế theo yêu cầu

Lắp đặt nhanh

Đóng gói xuất khẩu

Bố trí module

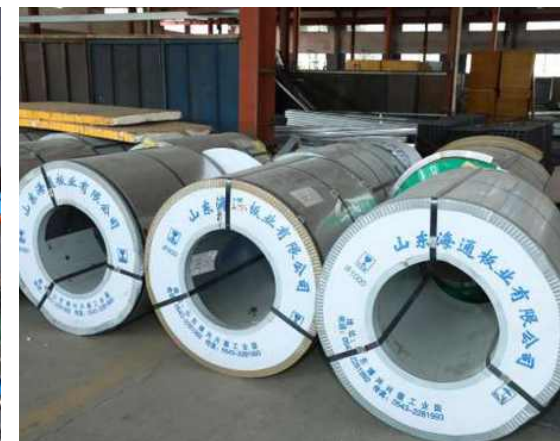
Hỗ trợ dự án

Định hướng cốt lõi: sản xuất tiêu chuẩn hóa · tùy chỉnh theo dự án · giao hàng nhanh.



Dây chuyền sản xuất

Năng lực sản xuất & lắp ráp — từ thép cuộn, tấm panel đến module hoàn thiện





Nhà container tháo lắp

Khung thép tiêu chuẩn · Liên kết bu lông · Tái sử dụng nhiều lần

Nhà container tháo lắp sử dụng khung thép tiêu chuẩn hóa cùng hệ tấm vách tháo rời. Các cấu kiện được vận chuyển riêng và lắp ráp tại công trường bằng liên kết bu lông, giúp rút ngắn thời gian thi công và tái sử dụng nhiều lần.

Sản phẩm phù hợp cho văn phòng tạm, ký túc xá, phòng họp, khu lán trại thi công, kho bãi và không gian thương mại. Kích thước, vật liệu, cửa đi – cửa sổ, cách nhiệt và nội thất đều có thể tùy chỉnh theo yêu cầu dự án.

Lắp ráp bằng bu lông

Kết cấu tái sử dụng

Bố trí linh hoạt

Giao hàng nhanh



Ưu điểm nhà container tháo lắp

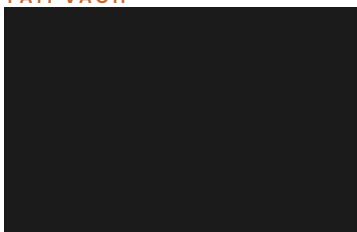
Kết cấu thép, vận chuyển gọn và lắp dựng nhanh tại công trường

- 01 Vận chuyển thuận tiện**
Cấu kiện tháo rời và đóng gói gọn, phù hợp di chuyển giữa các công trường và vận chuyển số lượng lớn.
- 02 Kết cấu bền vững**
Hệ khung thép chịu lực tốt, chống rung và hạn chế biến dạng trong quá trình sử dụng.
- 03 Độ kín cao**
Quy trình sản xuất nghiêm ngặt giúp kết cấu có khả năng chống thấm nước tốt.
- 04 Tùy biến linh hoạt**
Có thể tổ hợp thành nhiều không gian khác nhau: phòng họp, ký túc xá, nhà bếp, nhà vệ sinh...
- 05 Tháo lắp dễ dàng**
Kết cấu ổn định, chống rung, chống thấm, chống cháy, chống ăn mòn và trọng lượng nhẹ.

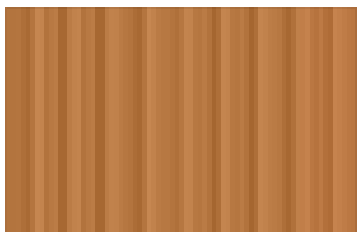
Lựa chọn màu sắc

Màu tấm vách và màu khung thép theo bảng màu tiêu chuẩn

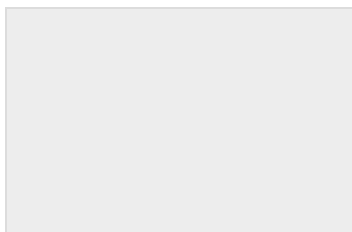
TẤM VÁCH



Đen



Vân gỗ



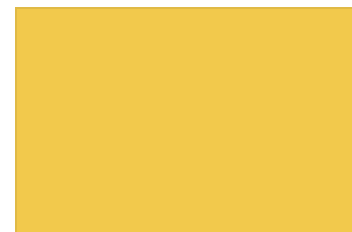
Trắng



Xanh lá



Xanh da trời



Vàng nhạt

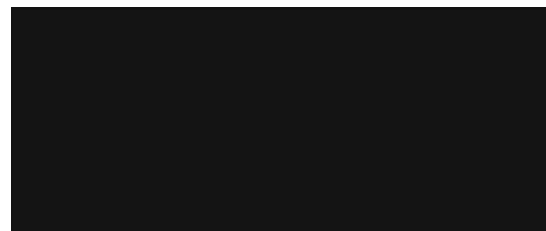
KHUNG THÉP



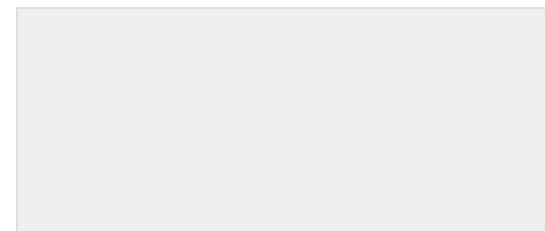
Xanh đậm



Đỏ



Đen



Trắng

Đơn hàng tối thiểu 30 bộ đối với màu tùy chỉnh.

Tùy chỉnh nội thất

Vật liệu hoàn thiện cho trần, sàn, vách và len chân tường



Trần tôn 831



Len chân tường gỗ tự nhiên



Sàn SPC



Sàn PVC giả da



Giấy dán tường



Tấm vách tích hợp



Tấm vân nổi kim loại

Thông số cơ bản

Nhà container tháo lắp – kích thước và khối lượng tiêu chuẩn

CHỐNG GIÓ Cấp 12 – 32,7 đến 41,4 m/s	TUỔI THỌ Trên 15 năm
CHỐNG CHẤN Cấp 9	CHỐNG CHÁY Cấp A

#LOẠI	DÀI	RỘNG	CAO	DIỆN TÍCH	KHỐI LƯỢNG
Tháo lắp	5.950 mm	3.000 mm	2.800 mm	17,85 m²	1.300 kg

Kích thước và khối lượng có thể điều chỉnh theo cấu hình vách, vật liệu hoàn thiện và yêu cầu vận chuyển.



Cấu tạo & vật liệu

Các cấu kiện chính của nhà container tháo lắp



01	Xà gỗ 50×50	02	Xà gỗ 40×80
03	Thanh chống U	04	Xà gỗ 40×60
05	Bu lông liên kết	06	Tấm bông khoáng 50/70 mm
07	Cột thép 2,3 mm	08	Chi tiết góc
09	Dầm 2,3 mm	10	Xà gỗ đáy
11	Tôn mái	12	Bông thủy tinh
13	Mái tôn	14	Cửa thép
15	Cửa sổ UPVC	16	Sàn MGO 16 mm
17	Dầm dài 2,3 mm	18	Xà gỗ 80×80

Kích thước cấu kiện và vật liệu có thể điều chỉnh theo tải trọng, vùng khí hậu và yêu cầu vận chuyển của từng dự án.

Đóng gói & xếp hàng

Nhà container tháo lắp – phương án vận chuyển tiêu chuẩn

20GP: 7 – 8 bộ



Đóng gói



Đóng gói

40HQ: 17 – 18 bộ



Xếp hàng



Xếp hàng



Xếp hàng

Bảng vật tư

Nhà container tháo lắp – khung, thép hộp và tấm vách (1/2)

STT	HẠNG MỤC	VẬT TƯ & QUY CÁCH	ĐVT	SL	DÀI (M)	RỘNG (CM)	CAO (CM)	DÀY (MM)
1	Khung	Dầm đáy – dài	cây	2	5,63	9,5	16	2,3
2	Khung	Dầm đáy – ngang	cây	2	2,68	9,5	16	2,3
3	Khung	Dầm đỉnh – dài	cây	2	5,63	9,5	16	2,3
4	Khung	Dầm đỉnh – ngang	cây	2	2,68	9,5	16	2,3
5	Khung	Cột đứng	cây	4	2,48	16	16	2,3
6	Khung	Chi tiết nối góc	cái	8	0,245	24,5	24,5	4,0
7	Thép hộp mạ kẽm	Dầm chính đáy 8.00	cây	4	2,99	8	8	1,3
8	Thép hộp mạ kẽm	Dầm phụ đáy 8.00	cây	5	2,99	4	8	1,3
9	Thép hộp mạ kẽm	Dầm chính đỉnh 5.00	cây	2	2,80	5	5	1,3
10	Thép hộp mạ kẽm	Dầm phụ đỉnh 8.00	cây	3	1,88	4	8	1,3
11	Thép hộp mạ kẽm	Dầm phụ đỉnh 6.00	cây	6	1,88	4	6	1,3
12	Tấm vách	Tấm bông khoáng – vách	tấm	15	–	95	255	50
13	Tấm vách	Tấm bông khoáng – cửa và cửa sổ	tấm	1	–	95	318	50
14	Phào ép	Phào đỉnh – dài	cây	2	5,78	9	3	1,2
15	Phào ép	Phào đỉnh – ngang	cây	2	2,80	9	3	1,2

Tấm bông khoáng dày 50 mm, lớp tôn mạ nóng 0,3 mm. Số lượng tính cho một bộ container tháo lắp tiêu chuẩn 5,95 × 3 × 2,8 m.

Bảng vật tư

Nhà container tháo lắp – mái, sàn, cửa và phụ kiện (2/2)

STT	HẠNG MỤC	VẬT TƯ & QUY CÁCH	ĐVT	SL	DÀI (M)	RỘNG (CM)	CAO (CM)	DÀY (MM)
16	Phào ép	Phào đáy – dài	cây	2	5,78	9	3	1,2
17	Phào ép	Phào đáy – ngang	cây	2	2,80	9	3	1,2
18	Dầm gia cường	Dầm gia cường khung cửa	cây	1	2,56	2	4	1,4
19	Dầm gia cường	Dầm chống gió	cây	2	2,48	4	6	1,4
20	Cửa chống trộm	Cánh cửa kèm khung	bộ	1	2,10	95	5	50
21	Cửa sổ	Cửa sổ kính hai lớp	bộ	2	1,20	95	5	50
22	Tôn mái	Tôn ngoài	tấm	6	2,97	106	–	0,45
23	Tôn mái	Tôn trần	tấm	6	2,79	106	–	0,24
24	Thép góc	Thép góc tường trong	cây	2	5,70	4	4	0,3
25	Thép góc	Thép góc tường trong	cây	2	2,70	4	4	0,3
26	Thép góc	Thép góc tường trong	cây	4	2,50	4	4	0,3
27	Tấm sàn	Tấm sàn chống cháy	tấm	5	2,80	114,7	–	16
28	Phụ kiện	Bông thủy tinh – cách nhiệt, chống cháy	bộ	1	20	120	–	30
29	Phụ kiện	Bu lông, keo silicon, keo kết cấu	bộ	1	–	–	–	–

Phụ kiện kim khí gồm bu lông liên kết, keo silicon và keo kết cấu phục vụ lắp dựng và xử lý mối nối.

Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



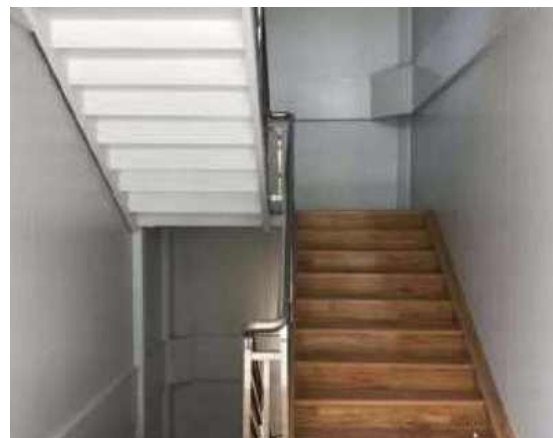
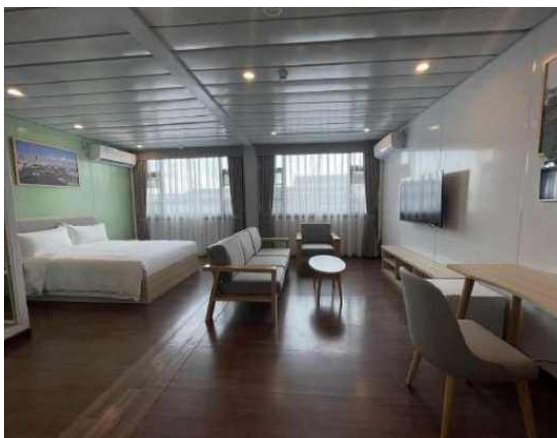
Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế



Nhà container tháo lắp

Công trình thực tế





Nhà container dạng phẳng

Đóng gói gọn · Lắp dựng nhanh · Kết cấu module

Nhà container dạng phẳng được thiết kế để đóng gói gọn, vận chuyển hiệu quả và lắp dựng nhanh tại công trường. Kết cấu khung, tấm vách, cửa đi – cửa sổ, sàn và hệ mái có thể cấu hình theo yêu cầu của từng dự án.

Sản phẩm phù hợp cho văn phòng, ký túc xá, nhà ở công nhân, không gian thương mại và các công trình tạm có yêu cầu tháo lắp, di chuyển hoặc tái sử dụng nhiều lần.

Đóng gói gọn

Khung module

Hoàn thiện theo yêu cầu

Phù hợp công trình



864 | 江苏省苏州市震泽区大船港村桥头三组

Ưu điểm nhà container dạng phẳng

Tối ưu thể tích vận chuyển và thời gian lắp dựng

- 01 Hiệu quả xếp container**
Đóng gói dạng phẳng giúp giảm thể tích, thuận tiện xếp container xuất khẩu.
- 02 Lắp dựng nhanh**
Cấu kiện tiêu chuẩn hóa, quy trình lắp dựng tại công trường rõ ràng.
- 03 Kết cấu đồng bộ**
Khung thép ổn định, phù hợp tháo lắp nhiều lần và sử dụng lâu dài.
- 04 Phù hợp nhiều mục đích**
Dùng cho khu lán trại, văn phòng, ký túc xá, không gian thương mại và công trình công cộng.
- 05 Ngoại thất tùy chỉnh**
Màu sắc, cửa đi – cửa sổ, tấm vách và nội thất điều chỉnh theo dự án.

Thông số kỹ thuật

Nhà container dạng phẳng – kích thước trong nước và xuất khẩu

TẢI TRỌNG SÀN 2,0 kN/m ²	TẢI TRỌNG MÁI 0,5 kN/m ²
TẢI TRỌNG GIÓ 0,6 kN/m ²	CẤP KHÁNG CHẤN Cấp 8
NIÊN HẠN THIẾT KẾ 20 năm	

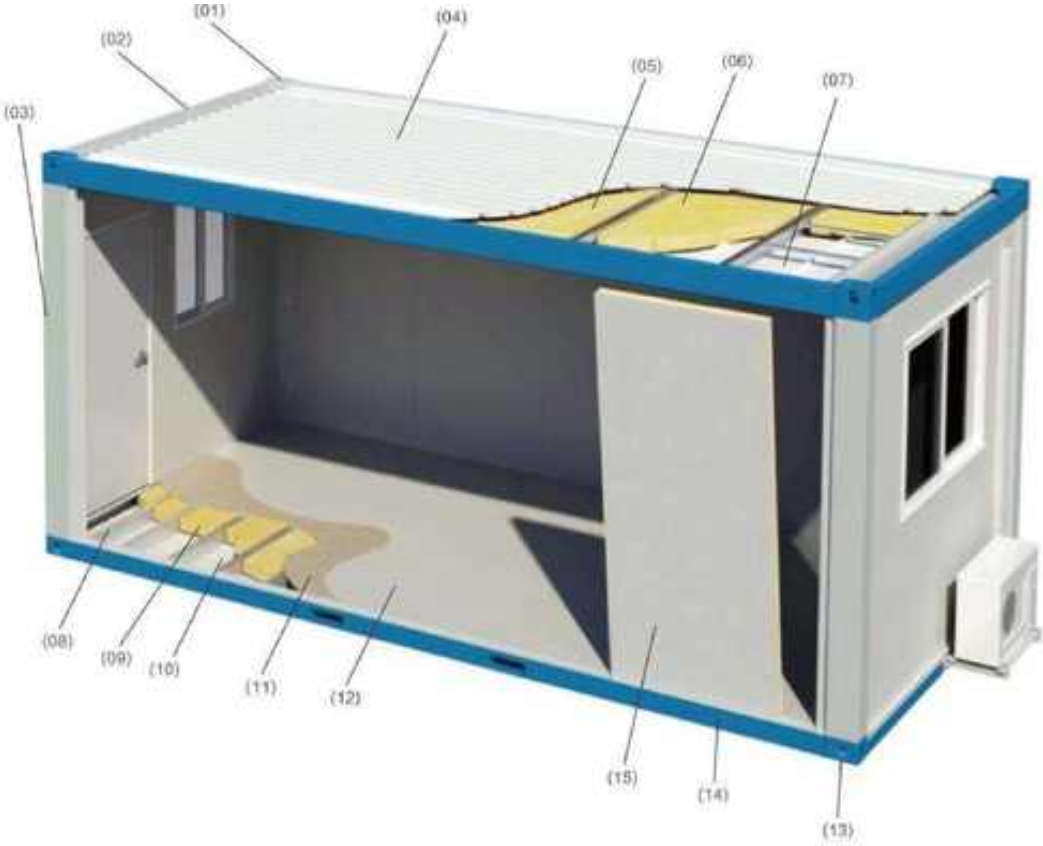
#LOẠI	DÀI	RỘNG	CAO	DIỆN TÍCH	KHỐI LƯỢNG
Trong nước	6.055 mm	2.990 mm	2.896 mm	18,10 m ²	2.060 kg
Xuất khẩu	5.950 mm	2.438 mm	2.896 mm	14,50 m ²	2.045 kg

Kết cấu sử dụng hệ khung thép: tải trọng sàn 2,0 kN/m², tải trọng mái 0,5 kN/m², tải trọng gió 0,6 kN/m², cấp kháng chấn 8, niên hạn thiết kế kết cấu 20 năm.



Sơ đồ kết cấu

Các cấu kiện chính của nhà container dạng phẳng



01	Chi tiết góc mái	02	Dầm chính mái
03	Cột	04	Tôn mái
05	Bông thủy tinh	06	Xà gỗ mái
07	Tấm trần	08	Xà gỗ đáy
09	Bông thủy tinh	10	Tấm thép đáy
11	Tấm xi măng	12	Sàn nhựa
13	Dầm đáy	14	Chi tiết góc đáy
15	Tấm vách		

Kết cấu khung thép mạ kẽm, vách panel bông khoáng hoặc EPS, sàn MGO/xi măng và hệ mái tôn cách nhiệt.

Vận chuyển nội địa

Nhà container dạng phẳng – phương án xếp xe tải

Xe 17,5 m: 12 bộ tiêu chuẩn



Xếp xe 17,5 m



Đóng gói



Vận chuyển

Đóng hàng xuất khẩu

Nhà container dạng phẳng – phương án xếp container 40HQ

40HQ: 6 bộ tiêu chuẩn



Đóng gói



Xếp container



Kiện hàng



Hoàn tất xếp hàng

Bảng vật tư

Nhà container dạng phẳng – khung chính 2,0 mm

STT	HẠNG MỤC	VẬT TƯ & QUY CÁCH	ĐVT	SL
1	Khung mái	Dầm thép mạ kẽm 2,0 mm, lượng mạ 80 g/m ² , rộng 170 mm, dài 5.633 mm	cây	2
2	Khung mái	Dầm thép mạ kẽm 2,0 mm, lượng mạ 80 g/m ² , rộng 170 mm, dài 5.633 mm	cây	2
3	Khung mái	Thép C mạ kẽm C80×1,2 mm, lượng mạ 80 g/m ²	cây	7
4	Khung mái	Xà gỗ mạ kẽm 30×30×1,0 mm, lượng mạ 80 g/m ²	cây	2
5	Khung đáy	Dầm mạ kẽm 2,0 mm, lượng mạ 80 g/m ² , rộng 160 mm, dài 5.633 mm	cây	2
6	Khung đáy	Dầm mạ kẽm 2,0 mm, lượng mạ 80 g/m ² , rộng 160 mm, dài 5.633 mm	cây	2
7	Khung đáy	Thép U 5.633 mm	cây	2
8	Khung đáy	Thép U 2.688 mm	cây	2
9	Khung đáy	Xà gỗ mạ kẽm 50×100×1,2 mm, lượng mạ 80 g/m ²	cây	9
10	Khung đáy	Thép U 5.630 mm	cây	2
11	Khung đáy	Thép U 2.280 mm	cây	2
12	Cột	Cột mạ kẽm 2,0 mm, 210×150 mm, lượng mạ 80 g/m ²	cây	4
13	Cột	Chân nối mạ kẽm, lượng mạ 80 g/m ²	cây	8
14	Cột	Thanh gia cường chữ L	cây	8
15	Nối góc	Nối góc 7 mm, mạ kẽm, cao 210 mm, rộng 170 mm	cây	4
16	Nối góc	Nối góc 7 mm, mạ kẽm, cao 165 mm, rộng 150 mm	cây	4
17	Màu sơn	Sơn nung	bộ	1
18	Bu lông	Bu lông lục giác mạ kẽm	cây	48

Trọng lượng và số lượng cấu kiện có thể thay đổi theo kích thước, tải trọng và cấu hình vách của từng đơn hàng.

Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế



Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế



Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế



Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế



Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế



Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế



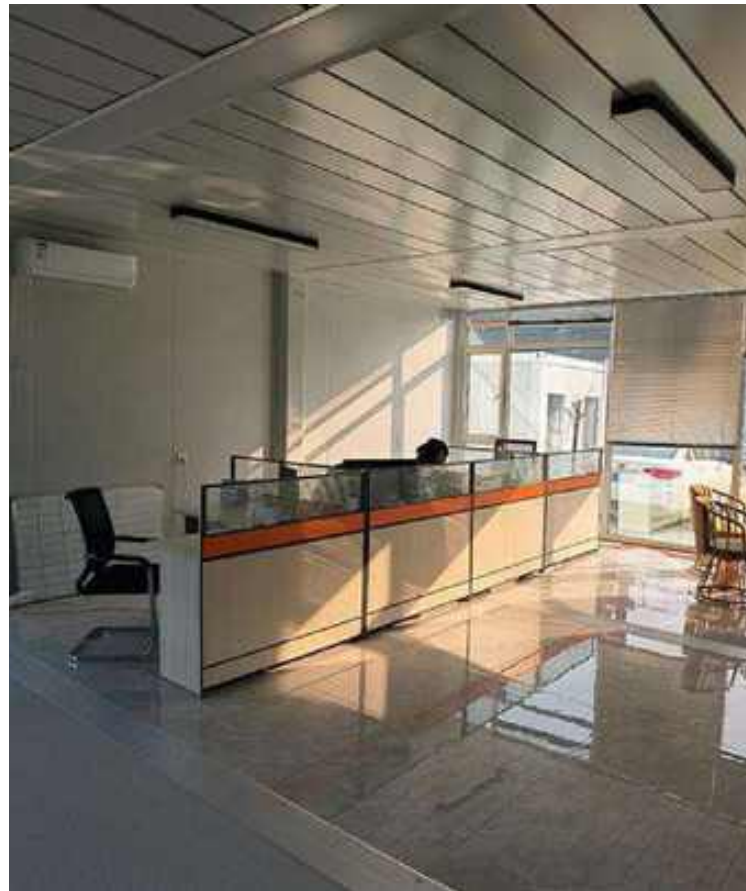
Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế



Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế



Nhà container dạng phẳng

Công trình thực tế





Nhà container gấp gọn

Mở nhanh bằng cầu · Giảm chi phí vận chuyển

Nhà container gấp gọn được thiết kế cho việc triển khai nhanh và vận chuyển hiệu quả. Khi gấp, chiều cao khối hàng chỉ khoảng 0,41 m, cho phép xếp nhiều bộ trên một xe hoặc trong container.

Sản phẩm phù hợp cho nhà ở tạm, văn phòng công trường, nhà ở khẩn cấp và các dự án ngắn hạn. Sau khi vận chuyển đến công trường, khối hộp được mở bằng cầu và cố định bằng bu lông, đưa vào sử dụng trong thời gian ngắn.

Mở nhanh bằng cầu

Giảm chi phí vận chuyển

Di chuyển linh hoạt

Dự án ngắn hạn



省苏州市震泽区大船港村桥头三组

Ưu điểm nhà container gấp gọn

Thiết kế gấp gọn cho vận chuyển và tái sử dụng

- 01 Lắp đặt nhanh**
Dùng cầu nâng khối hộp, mở các tấm vách và siết bu lông để hoàn thiện.
- 02 Giảm chi phí vận chuyển**
Xe 6,8 m chở được 6 bộ; xe 17,5 m chở được 23 bộ.
- 03 Tiết kiệm diện tích lưu kho**
Các bộ có thể xếp chồng nhiều lớp khi lưu kho.
- 04 Chi phí sử dụng thấp**
Tiết kiệm khoảng 2/3 chi phí công trình tạm so với nhà tiền chế truyền thống.
- 05 Tuổi thọ cao**
Gấp mở lặp lại 500 lần, tuổi thọ sử dụng trên 10 năm.

Trọng lượng nhẹ, kết cấu thép mạ kẽm, sàn chống ẩm và hệ điện hoàn thiện theo yêu cầu.



Quy trình lắp đặt

Bốn bước mở khối hộp gấp gọn tại công trường

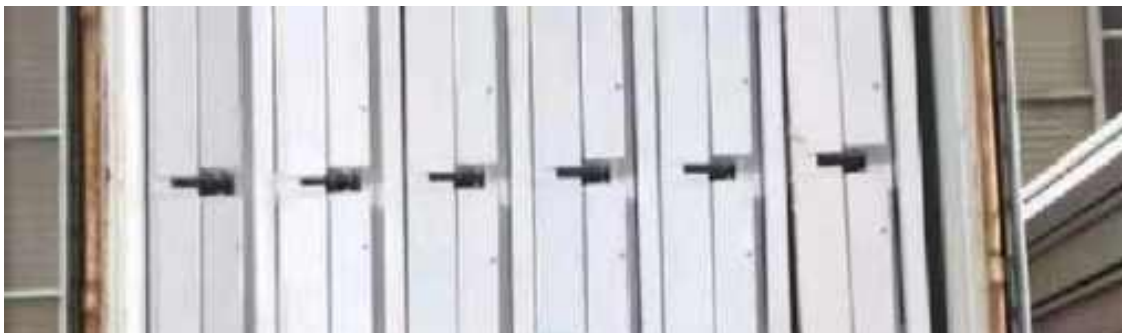
- 01 Chuẩn bị và nâng hộp**
Tháo tấm tôn bảo vệ hai bên khối hộp, sau đó dùng cẩu nâng hộp lên.
- 02 Cố định thanh chống**
Giữ khối hộp ổn định bằng thanh chống trước khi mở vách.
- 03 Mở vách trước và sau**
Điều chỉnh vị trí bằng cẩu, dựng vách trước và vách sau cao 3 m.
- 04 Siết bu lông hoàn thiện**
Siết bu lông liên kết, kiểm tra độ kín và bàn giao đưa vào sử dụng.

Chiều cao khối hộp khi gấp khoảng 0,41 m; kích thước cơ bản 2,85 × 2,85 × 2,75 m. Vách sau có cửa sổ 0,92 × 0,92 m.

Đóng hàng xuất khẩu

Nhà container gấp gọn – phương án xếp container

20GP: 5 – 6 bộ



Đóng gói

40HQ: 10 – 12 bộ



Xếp container



Xếp container



Hoàn tất

Thông số kỹ thuật

Nhà container gấp gọn xuất khẩu – kích thước, khung và vách (1/2)

HẠNG MỤC	THÔNG SỐ	VẬT LIỆU / GHI CHÚ	ĐỘ DÀY (MM)
KÍCH THƯỚC & KHỐI LƯỢNG			
Kích thước ngoài	5.800 × 2.480 × 2.500 mm	Loại tiêu chuẩn	–
Kích thước ngoài	5.600 × 2.200 × 2.260 mm	Loại nhỏ	–
Kích thước trong	5.640 × 2.320 × 2.400 mm	Loại tiêu chuẩn	–
Kích thước trong	5.440 × 2.040 × 2.160 mm	Loại nhỏ	–
Trạng thái gấp	5.800 × 2.480 × 390 mm	Chiều cao khối gấp	–
Khối lượng	1.100 kg	Khối lượng tổng	–
KHUNG KẾT CẤU			
Khung đỉnh	Q235B 30×50	Thép hộp chữ nhật	1,5
Khung đỉnh	Q235B 20×40	Thép hộp chữ nhật	1,5
Khung đỉnh	Q235B 60×80	Thép hộp chữ nhật	1,4
Khung đỉnh	Ống P 35×77	Thép dập định hình	1,3
Khung đỉnh	Bông thủy tinh	Cách nhiệt mái	75
Khung đỉnh	Tấm trần YH24–231–961	Tôn trần	0,25
Mặt 6 m	Tấm bảo vệ	Thép bảo vệ cạnh	1,8
Mặt 6 m	Ống P 35×77	Thép dập định hình	1,3
Mặt 6 m	Bản lề	Bản lề cường độ cao	–
Mặt 6 m	Tấm vách đôi	Panel composite	65
Mặt 6 m	Thép góc mạ kẽm	Liên kết góc	0,7
Mặt 6 m	Gioăng D 12×10	Gioăng gia cường	–
Mặt 3 m	Ống P 35×77	Thép dập định hình	1,3
Mặt 3 m	Tấm vách đôi	Panel composite	65
Mặt 3 m	Cửa sổ 920×920	Kính 4 mm	4
Mặt 3 m	Tấm chắn móc cầu	Thép tấm	6
Mặt 3 m	Cửa 970×1970	Cửa thép	70
Mặt 3 m	Gioăng D đen 12×10	Gioăng kín khí	–
Khung đáy	Dầm đáy 140×80×6 m	Thép mạ kẽm	1,4
Khung đáy	Thép hộp 60×80	Thép mạ kẽm	1,4
Khung đáy	Bản lề	Bản lề cường độ cao	1,7
Khung đáy	Q235B 40×40	Thép hộp chữ nhật	1,5
Khung đáy	Sàn	Tấm sàn kết cấu	1,5

Thông số kỹ thuật

Nhà container gấp gọn xuất khẩu – mái, vách, sàn và hệ điện (2/2)

HẠNG MỤC	THÔNG SỐ	VẬT LIỆU / GHI CHÚ	ĐỘ DÀY (MM)
MÁI – VÁCH – SÀN			
Lớp phủ khung	Sơn tĩnh điện	Sơn bột trắng	–
Tôn đỉnh ngoài	0,45 × 1,25 × 5,95 m × 2 tấm	Tôn mạ kẽm	0,45
Trần trong	Tôn V831	Tôn màu	0,25
Vách mặt 6 m	Panel composite 0,2 mm + sợi thủy tinh 30 kg/m ³	Sai số ±0,3 mm	50
Vách mặt 3 m	Panel composite 0,2 mm + sợi thủy tinh 30 kg/m ³	Sai số ±0,3 mm	50
Sàn	Sàn magie chống cháy	Tấm magie oxit	15
HỆ THỐNG ĐIỆN			
Dây điện	Dây đồng mềm tiêu chuẩn 4 mm ²	Đi vào tủ điện	–
Aptomat	CB 20 A	Bảo vệ quá tải	–
Ổ cắm	1 ổ 5 lỗ đơn + 1 ổ 10 lỗ	Dây vào 2,5 mm ²	–
Chiếu sáng	1 đèn LED	Trần	–
Tiêu chuẩn	Thiết bị điện đạt chứng nhận CE	Lắp đặt theo quy chuẩn chống ẩm	–
CỬA – TẢI TRỌNG – CẤP BẢO VỆ			
Cửa chống trộm	970 × 1.970 mm	Thép sơn trắng ngà	–
Cửa sổ	920 × 920 mm, kính 4 mm	Khung nhựa lõi thép, cửa trượt	–
Tải trọng mái	1,0 kN/m ²	Tải trọng sử dụng	–
Tải trọng sàn	4,2 kN/m ²	Tải trọng sử dụng	–
Tải trọng hành lang	2,0 kN/m ²	Tải trọng sử dụng	–
Áp lực vách	0,5 kN/m ²	Tải trọng ngang	–
Chống cháy	Cấp A	Vật liệu panel	–
Kháng chấn	Cấp 8	Thiết kế kết cấu	–
Chống gió	Cấp 10	Thiết kế kết cấu	–

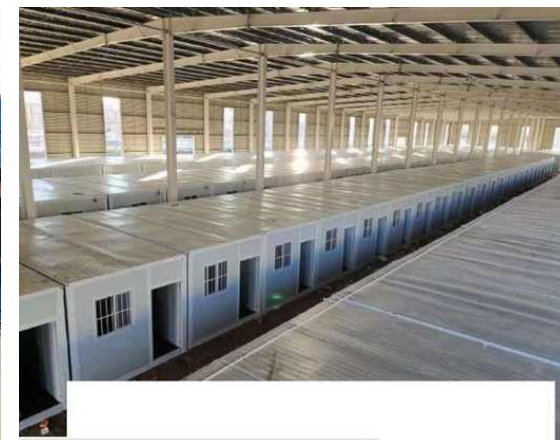
Nhà container gấp gọn

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn

Công trình thực tế





Nhà container gấp gọn chữ Z

Kết hợp mở nhanh và kết cấu dạng phẳng ổn định

Nhà container gấp gọn chữ Z kết hợp ưu điểm mở nhanh của container gấp gọn với kết cấu ổn định của container dạng phẳng. Sản phẩm phù hợp cho các dự án cần dựng nhanh, vận chuyển số lượng lớn và tái sử dụng nhiều lần.

Kết cấu thép nhẹ, hệ mái và vách có khả năng thoát nước, cách nhiệt tốt, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài tại công trường và khu lán trại.

Kết cấu hybrid

Dựng nhanh

Xếp hàng số lượng lớn

Khung ổn định

Đóng hàng xuất khẩu

Nhà container gấp gọn chữ Z – phương án xếp container

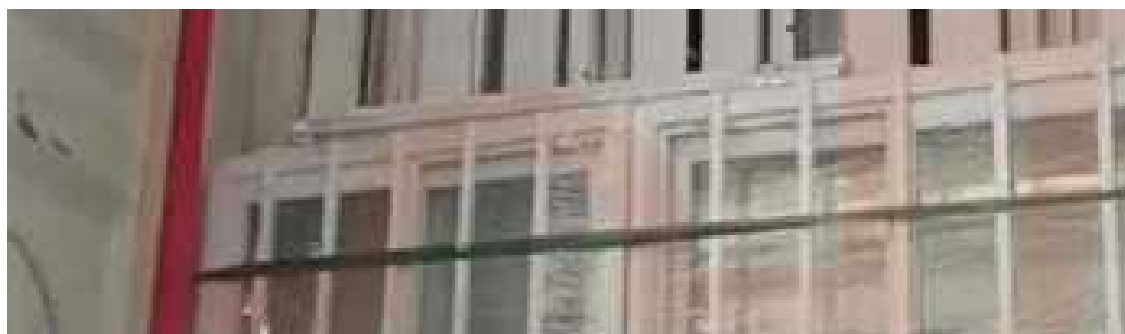
40HQ: 8 bộ



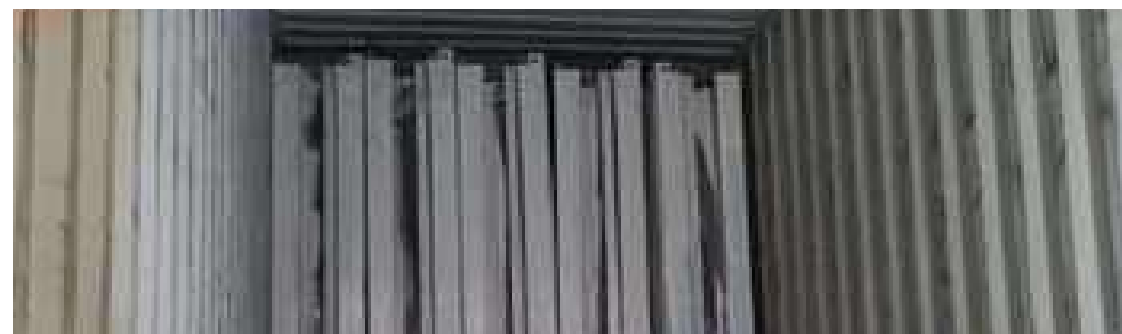
Đóng gói



Xếp container



Xếp container



Hoàn tất

Bảng vật tư

Khung chính 2,0 mm – kích thước 5.800 × 2.438 × 2.530 mm (1/2)

STT	HẠNG MỤC	VẬT TƯ & QUY CÁCH	ĐVT	SL
1	Khung mái	Dầm thép mạ kẽm 2,0 mm, lượng mạ 80 g/m², rộng 170 mm, dài 5.633 mm	cây	2
2	Khung mái	Dầm thép mạ kẽm 2,0 mm, lượng mạ 80 g/m², rộng 170 mm, dài 5.633 mm	cây	2
3	Khung mái	Thép C mạ kẽm C80×1,2 mm, lượng mạ 80 g/m²	cây	7
4	Khung mái	Xà gỗ mạ kẽm 30×30×1,0 mm, lượng mạ 80 g/m²	cây	2
5	Khung đáy	Dầm mạ kẽm 2,0 mm, lượng mạ 80 g/m², rộng 160 mm, dài 5.633 mm	cây	2
6	Khung đáy	Dầm mạ kẽm 2,0 mm, lượng mạ 80 g/m², rộng 160 mm, dài 5.633 mm	cây	2
7	Khung đáy	Thép U 5.633 mm	cây	2
8	Khung đáy	Thép U 2.688 mm	cây	2
9	Khung đáy	Xà gỗ mạ kẽm 50×100×1,2 mm, lượng mạ 80 g/m²	cây	9
10	Khung đáy	Thép U 5.630 mm	cây	2
11	Khung đáy	Thép U 2.280 mm	cây	2
12	Cột	Cột mạ kẽm 2,0 mm, 210×150 mm, lượng mạ 80 g/m²	cây	4
13	Cột	Chân nối mạ kẽm, lượng mạ 80 g/m²	cây	8
14	Cột	Thanh gia cường chữ L	cây	8
15	Nối góc	Nối góc 7 mm, cao 210 mm, rộng 170 mm, mạ kẽm 80 g/m²	cây	4
16	Nối góc	Nối góc 7 mm, cao 165 mm, rộng 150 mm, mạ kẽm 80 g/m²	cây	4
17	Màu sơn	Sơn nung	bộ	1
18	Bu lông	Bu lông lục giác mạ kẽm	cây	48

Bảng vật tư

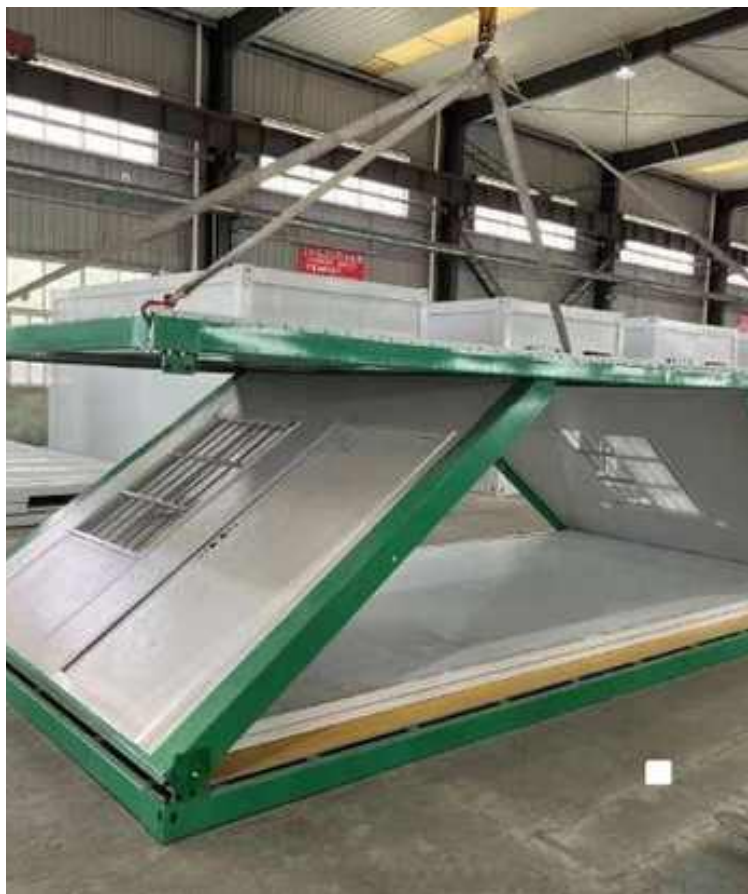
Mái, vách, sàn và phụ kiện (2/2)

STT	HẠNG MỤC	VẬT TƯ & QUY CÁCH	ĐVT	SL
19	Mái	Tôn 0,25 mm, liên kết 360°, chống thấm đặc biệt	bộ	1
20	Ống thoát nước	Ống PVC Ø50 mm	cây	4
21	Cách nhiệt trần	Màng PE chống ẩm 1,0 mm	bộ	1
22	Cách nhiệt trần	Cuộn bông thủy tinh 75 mm, 14 kg/m³	bộ	1
23	Trần	Tôn trần 0,25 mm, loại 831	bộ	1
24	Sàn	Sàn xi măng sợi 18 mm, 1.177 × 2.820 mm	tấm	5
25	Sàn hoàn thiện	Sàn PVC 1,6 mm	bộ	1
26	Len chân tường	Len chân tường thép	cây	4
27	Cửa	Cửa thép 925 × 1.970 mm	cây	1
28	Cửa sổ	Cửa sổ kính đơn 925 × 1.130 mm	cây	2
29	Phụ kiện	Vít, keo kết cấu	bộ	1
30	Tấm vách	Panel thép sandwich 50 mm, thép 0,25/0,25 mm, 80 kg/m³	bộ	1

Số lượng vật tư tương ứng một bộ container gấp gọn chữ Z tiêu chuẩn.

Nhà container gấp gọn chữ Z

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn chữ Z

Công trình thực tế



Nhà container gấp gọn chữ Z

Công trình thực tế





Nhà container mở rộng

Hai cánh mở rộng · Diện tích sử dụng lớn

Nhà container mở rộng có kích thước gọn khi vận chuyển và mở rộng hai cánh để tăng diện tích sử dụng sau khi triển khai. Kết cấu thép nhẹ, vách panel cách nhiệt, hệ cửa và nội thất có thể cấu hình theo công năng.

Sản phẩm phù hợp cho văn phòng, nhà ở tạm, nhà nghỉ dưỡng, khu lán trại dự án và nhà tái định cư. Có thể bố trí 1 đến 3 phòng ngủ kèm phòng khách và phòng tắm.

Diện tích lớn hơn

Gấp gọn khi vận chuyển

Công năng linh hoạt

Nội thất tùy chọn

Đóng hàng xuất khẩu

Nhà container mở rộng – phương án xếp container 40HQ

40HQ: 2 bộ (loại 20 ft)



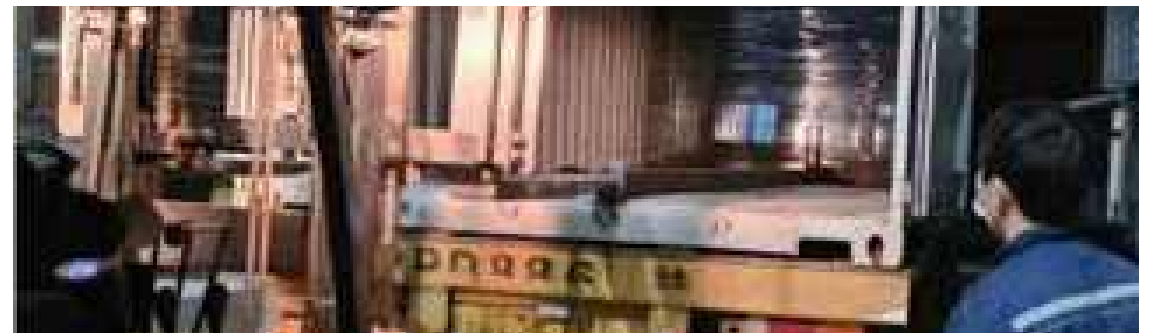
Đóng gói



Xếp container



Xếp container



Hoàn tất

Bảng vật tư

Nhà container mở rộng – kích thước, kết cấu, mái và vách (1/2)

HẠNG MỤC	THÔNG SỐ	VẬT LIỆU / GHI CHÚ
KÍCH THƯỚC & KHỐI LƯỢNG		
Kích thước ngoài	6.320 × 5.900 × 2.480 mm	Loại 20 ft
Kích thước ngoài	11.800 × 6.360 × 2.480 mm	Loại 40 ft
Kích thước trong	6.160 × 5.560 × 2.240 mm	Loại 20 ft
Kích thước trong	11.640 × 6.020 × 2.240 mm	Loại 40 ft
Kích thước khi gấp	2.200 × 5.900 × 2.480 mm	Trạng thái vận chuyển
Khối lượng	2.200 kg	Khối lượng tổng
KẾT CẤU		
Dầm giữa	Q235B dày 2,5 mm	Dầm chịu lực chính
Dầm đáy	Q235B dày 2,5 mm	Dầm đáy khung
Dầm biên hông	Q235B dày 1,5 mm	Liên kết cạnh
Cột	Q235B dày 2,5 mm	Cột góc và cột giữa
Khung vách hông	Q235B dày 1,5 mm	Khung vách
Khung phụ	Q235B dày 1,5 mm	Khung gia cường
Móc cầu	Q235B dày 4 mm	Chi tiết nâng hạ
Bản lề	Bản lề mạ kẽm 13 mm	Liên kết cánh mở
Lớp phủ	Sơn tĩnh điện / bột trắng	Hoàn thiện bề mặt
Tủ giữa trên/dưới	80 × 100 mm	Khung tủ giữa
Tủ bên trên/dưới	40 × 60 mm, dày 1,5 mm	Khung tủ bên
MÁI – VÁCH		
Tôn mái	Tôn mạ kẽm dày 0,5 mm	Lớp mái ngoài
Trần	Tôn trần 831	Lớp trần trong
Cách nhiệt mái giữa	Bông thủy tinh 50 mm	Kèm tấm 50 mm hai bên
Vách hông, trước, sau	Panel 50 mm bông thủy tinh hoặc EPS	Tôn màu hai mặt
Vách ngăn trong	Panel EPS 50 mm	Phân chia phòng
Phòng tắm	1.700 × 1.500 mm	Cụm phòng tắm

Bảng vật tư

Sàn, hệ điện, cửa và chế độ bảo hành (2/2)

KÍCH THƯỚC 20 FT 6.320 × 5.900 mm	KÍCH THƯỚC 40 FT 11.800 × 6.360 mm
CHIỀU CAO 2.480 mm	KHỐI LƯỢNG 2.200 kg

#HẠNG MỤC	THÔNG SỐ
Sàn giữa	Sàn magie chống cháy MGO 15 mm
Sàn hai bên	Sàn tre
Đèn LED	2 bộ
Đèn trần	2 bộ
Ổ cắm 5 lỗ	3 bộ
Ổ cắm đơn	1 bộ
Ổ cắm 10 lỗ	3 bộ
Ổ cắm điều hòa	1 bộ
CB chống rò	20 A, 1 bộ
Nguồn điện	220 V – 50 Hz
Cửa đi	2 cửa chống trộm thông thường

Type 2	Type 3
	
L5.8'W6.3'H2.5m	L5.8'W4.794'H2.5m
L5.8'W2.2'H2.5m	L5.8'W1.1'H2.5m
38.54m ²	30m ²
Loading 2 units	Loading 4 units
Customized size is available	
units, pls refer to above data	
eceived deposit payment, for normal size	

Nhà container mở rộng

Công trình thực tế



Nhà container mở rộng

Công trình thực tế



Nhà container mở rộng

Công trình thực tế



Nhà container mở rộng

Công trình thực tế



Nhà container mở rộng

Công trình thực tế



Nhà container mở rộng

Công trình thực tế



Sơ đồ bố trí 20 ft

Nhà mở rộng 20 ft – 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm



Mặt bằng tổng thể



Phối cảnh nội thất



Góc nhìn từ trên

Sơ đồ bố trí 20 ft

Phương án nội thất và khu vực sinh hoạt



Khu vực phòng khách



Phòng ngủ



Khu vực bếp

Sơ đồ bố trí & hệ thống điện

Nhà mở rộng 20 ft – 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm

Hệ thống điện được bố trí theo từng khu vực chức năng, bảo đảm thuận tiện sử dụng và an toàn khi vận hành. Toàn bộ dây dẫn và thiết bị đạt tiêu chuẩn, lắp đặt theo quy định chống ẩm.

Danh mục thiết bị điện tiêu chuẩn: 2 đèn LED, 2 đèn trần, 3 ổ cắm 5 lỗ, 1 ổ cắm đơn, 3 ổ cắm 10 lỗ, 1 ổ cắm điều hòa và 1 CB chống rò 20 A; nguồn 220 V – 50 Hz.

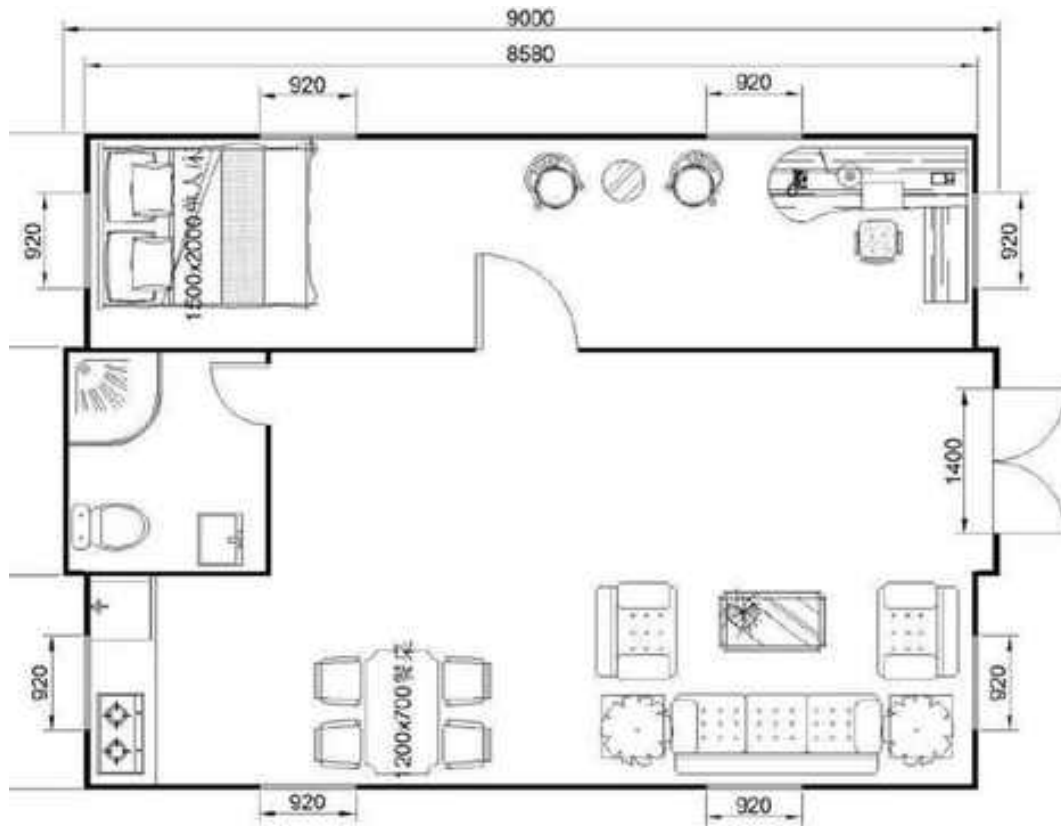
CB chống rò 20 A	220 V – 50 Hz
Đèn LED tiết kiệm điện	Thiết bị đạt CE

Sơ đồ điện được điều chỉnh theo phương án bố trí nội thất và công suất thiết bị của từng dự án.

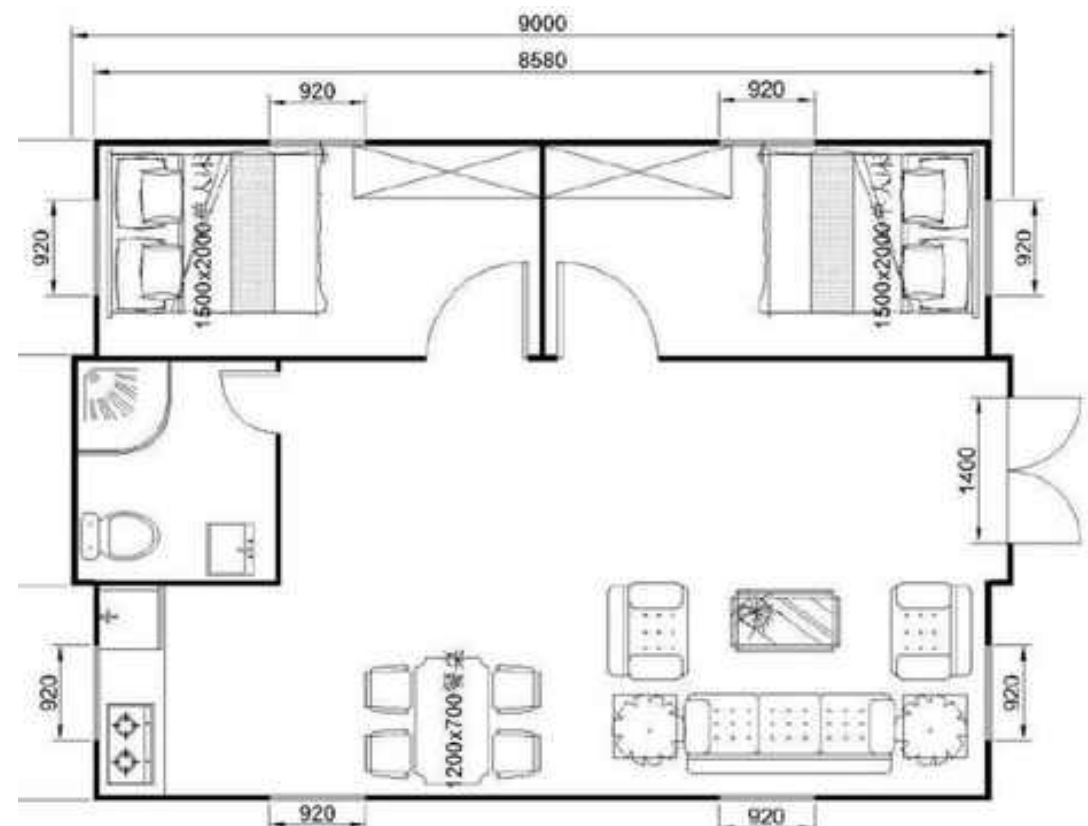


Sơ đồ bố trí 30 ft

Hai phương án công năng cho nhà mở rộng 30 ft



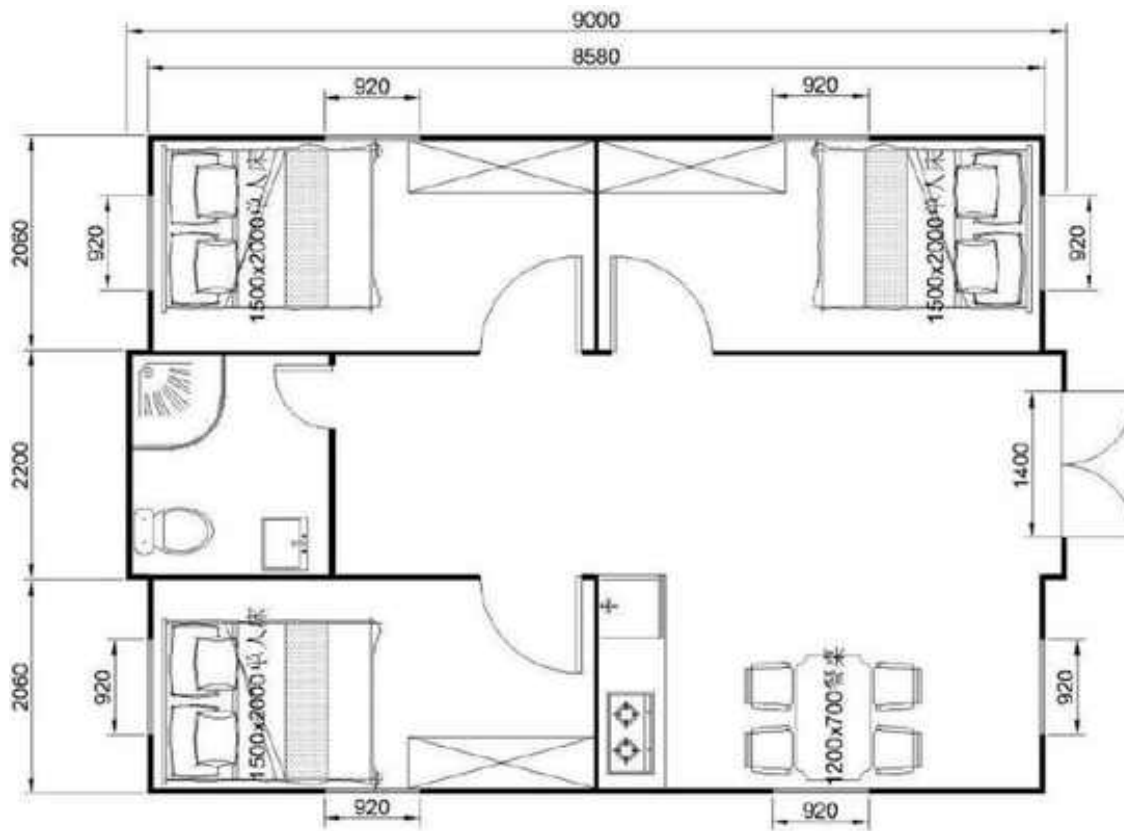
30 ft – 1 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm



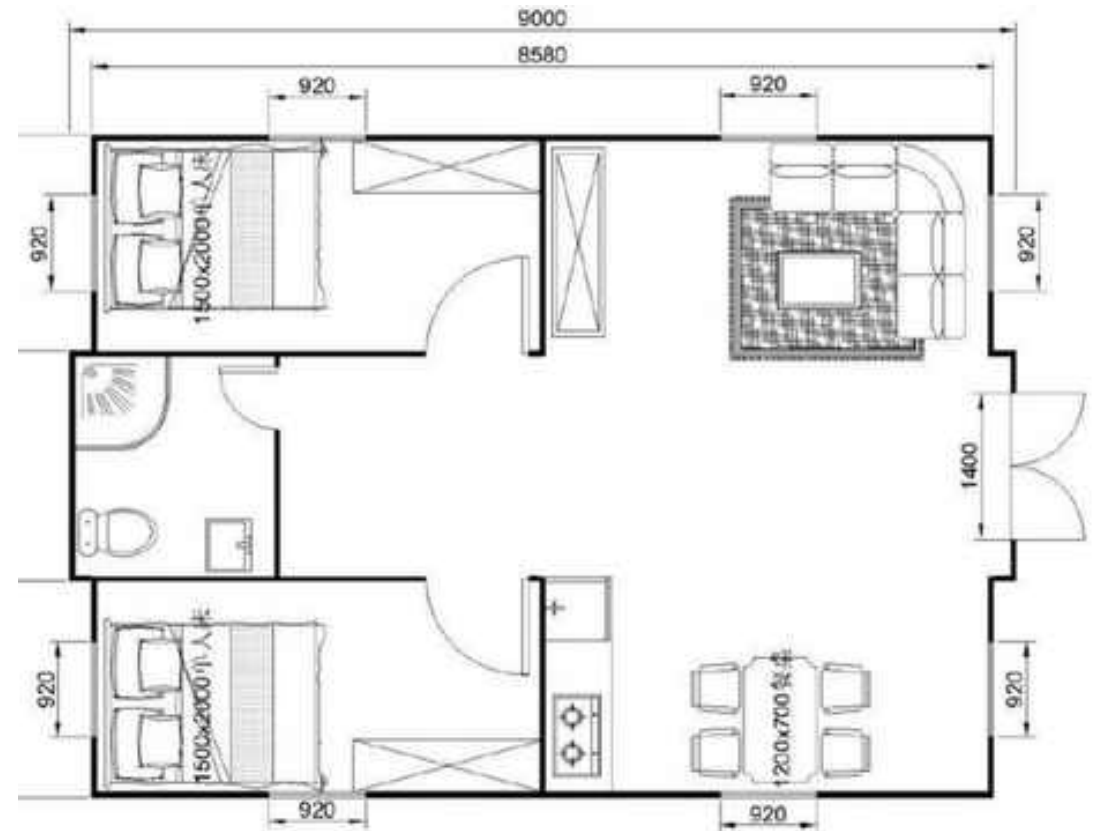
30 ft – 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm

Sơ đồ bố trí 30 ft

Phương án 2 và 3 phòng ngủ



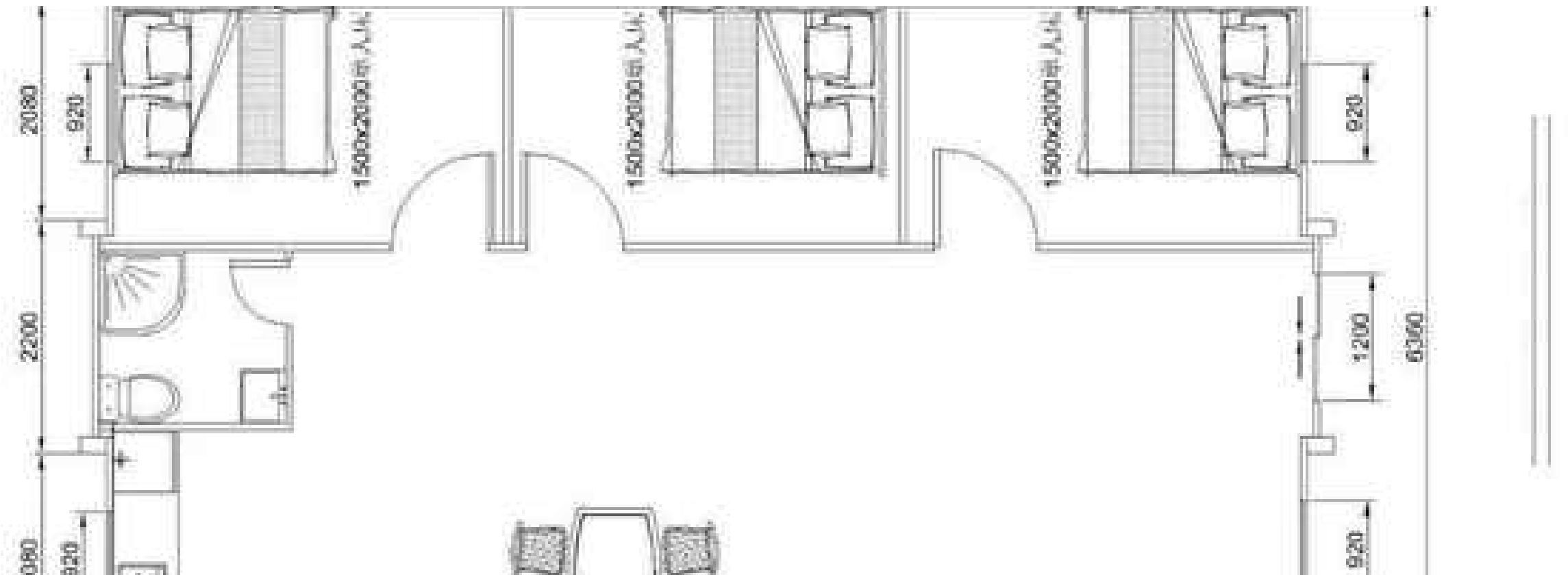
30 ft – 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm



30 ft – 3 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm

Sơ đồ bố trí 40 ft

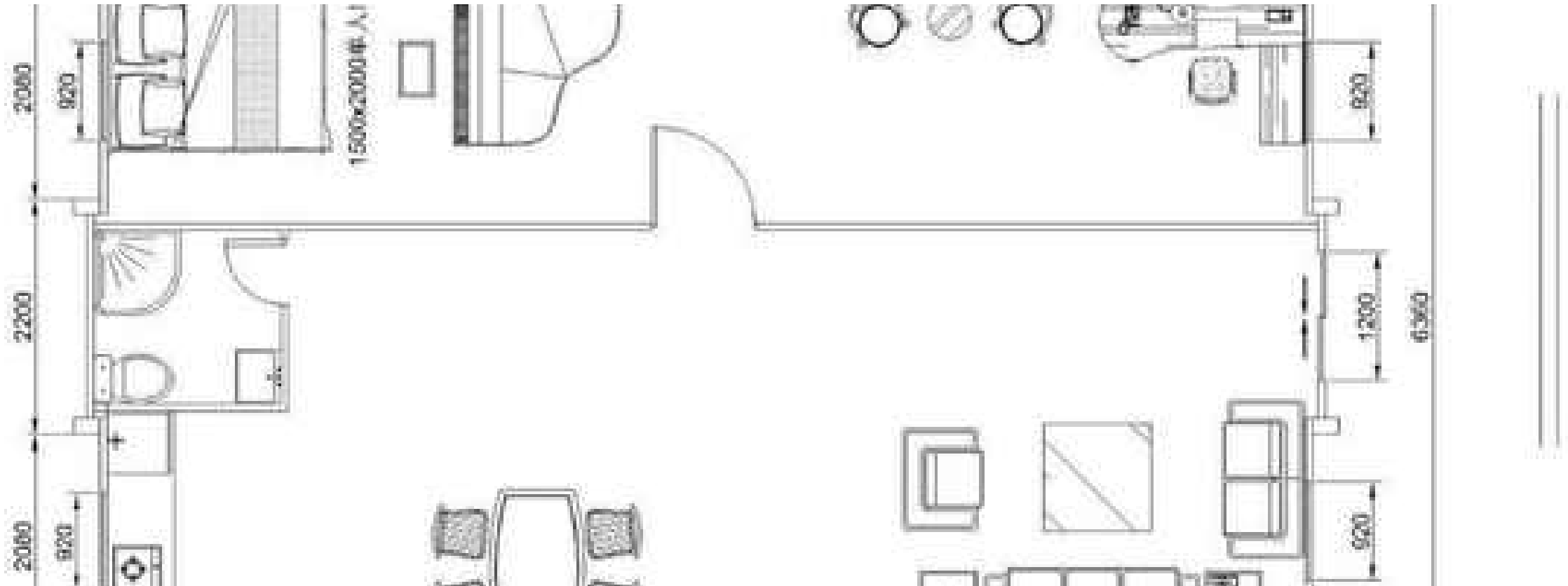
Phương án công năng nhà mở rộng 40 ft



40 ft – 3 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm

Sơ đồ bố trí 40 ft

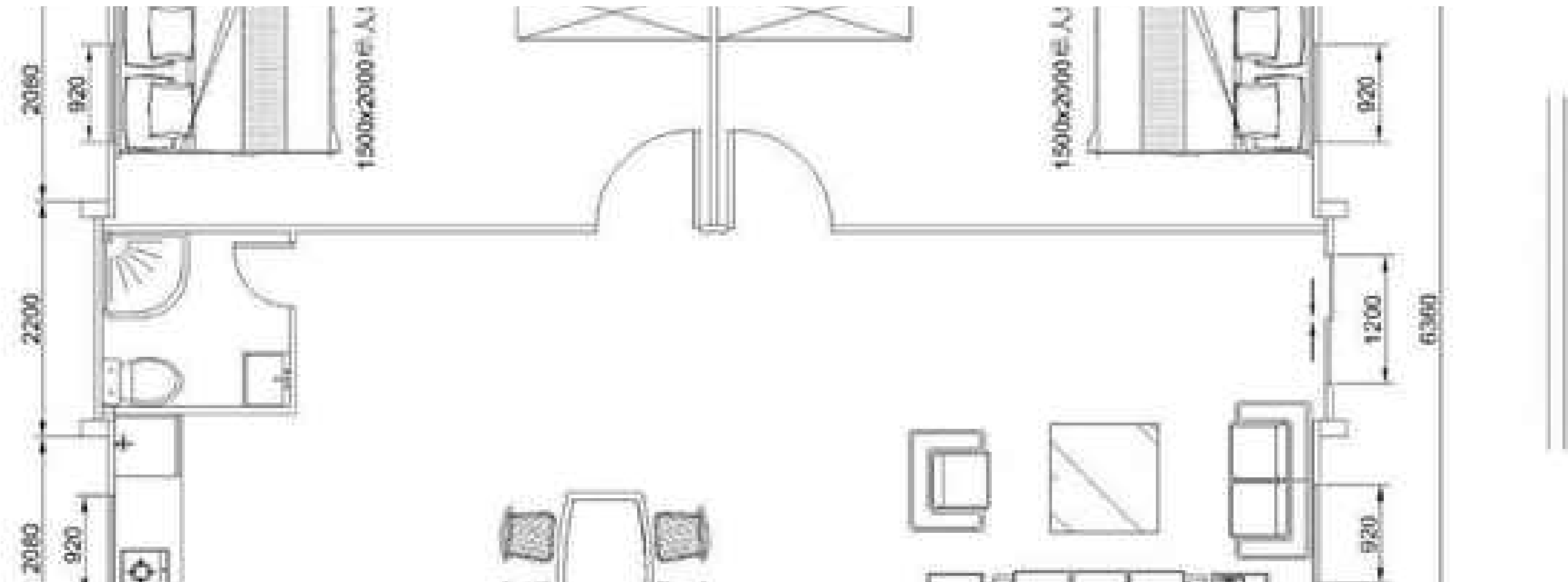
Phương án công năng nhà mở rộng 40 ft



40 ft – 1 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm

Sơ đồ bố trí 40 ft

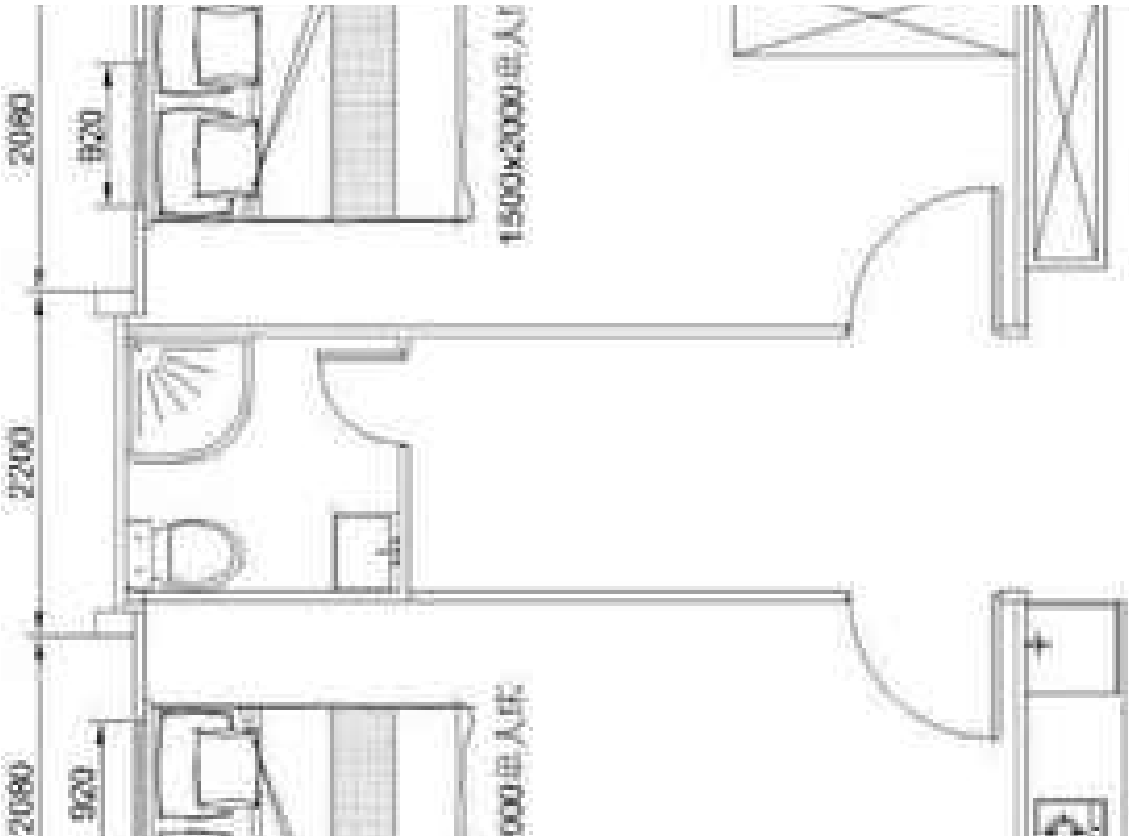
Phương án công năng nhà mở rộng 40 ft



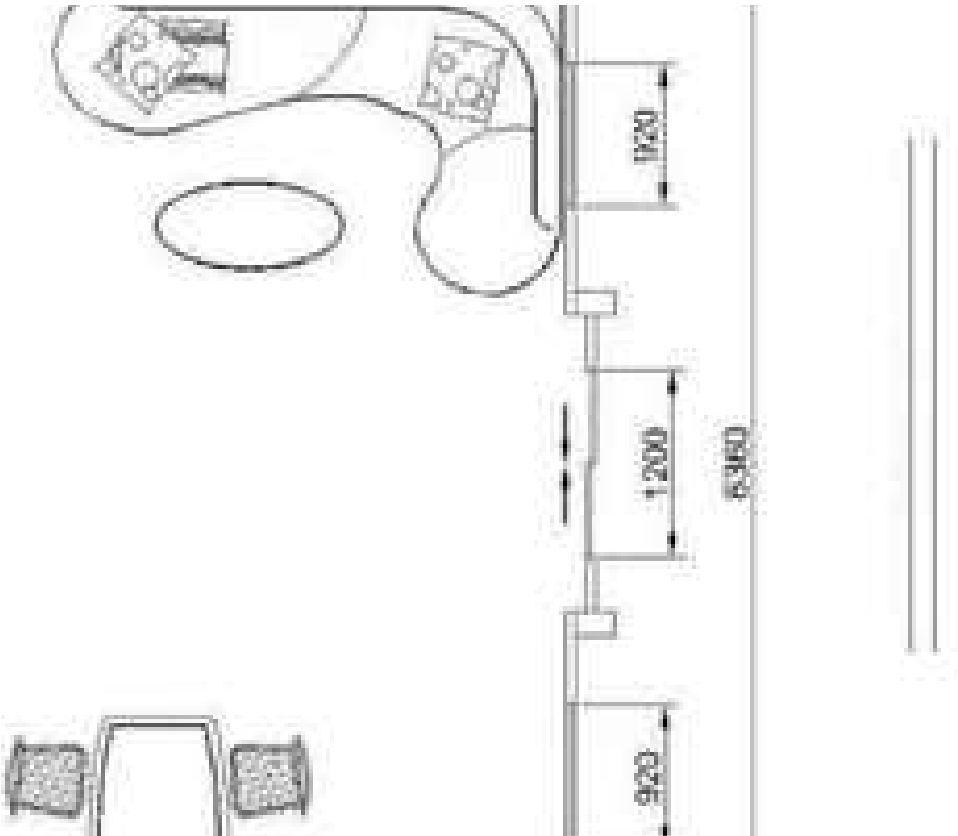
40 ft – 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm

Sơ đồ bố trí 40 ft

Phương án công năng nhà mở rộng 40 ft

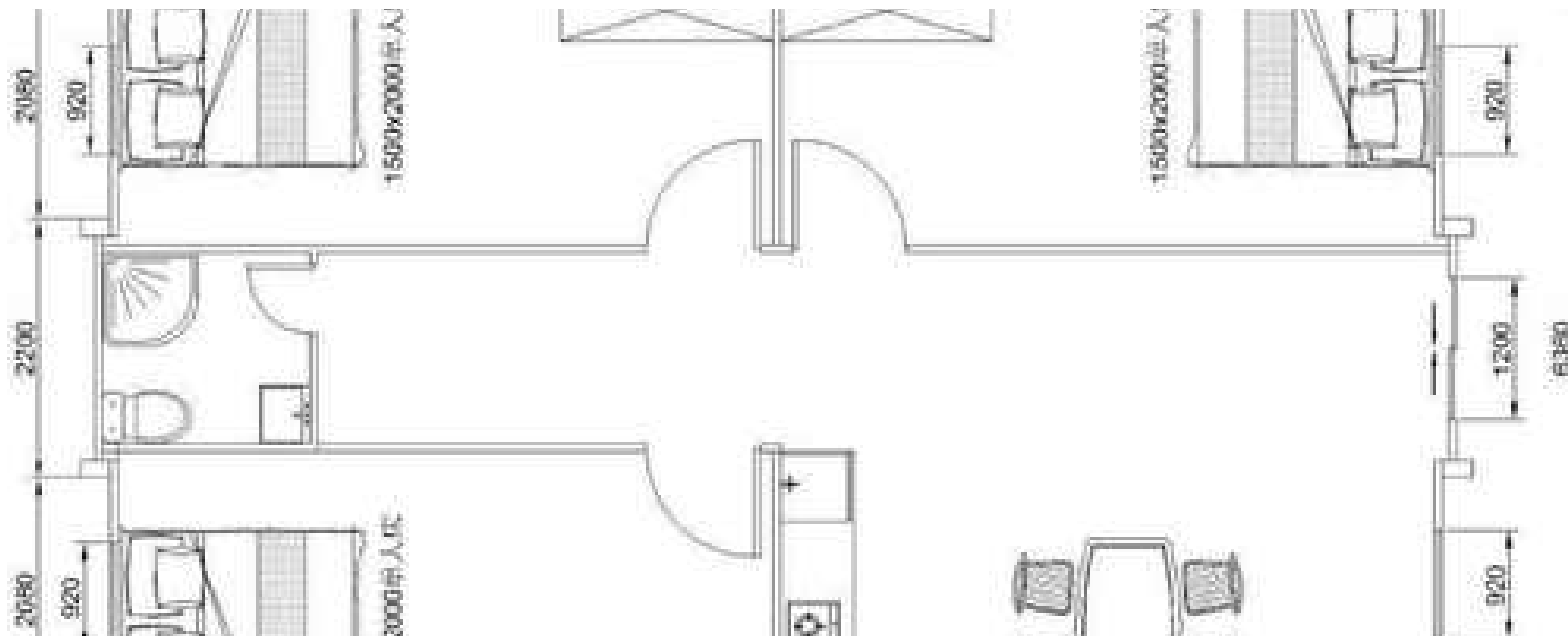


40 ft – 2 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm



Sơ đồ bố trí 40 ft

Phương án công năng nhà mở rộng 40 ft



40 ft – 3 phòng ngủ, 1 phòng khách, 1 phòng tắm



Nhà container tôn sóng

Kết cấu thép · Vách tôn sóng · Phong cách công nghiệp

Nhà container tôn sóng sử dụng kết cấu thép và vách tôn sóng, có độ bền cao và phong cách công nghiệp đặc trưng. Sản phẩm phù hợp cho văn phòng, cửa hàng, nhà nghỉ, khu lán trại và không gian sử dụng lâu dài.

Ngoại thất và công năng bên trong có thể thiết kế theo yêu cầu: sân thượng, mái che, cửa nhôm kính, vách kính và nội thất hoàn thiện.

Bề mặt bền bỉ

Phong cách công nghiệp

Mặt tiền tùy chỉnh

Sử dụng lâu dài



Ưu điểm nhà container tôn sóng

Độ bền, khả năng bảo vệ và tính thẩm mỹ

01 Di chuyển nhanh

Có thể nâng hạ và di chuyển nguyên khối, thay đổi vị trí linh hoạt.

02 An toàn

Khung thép, chống cháy cấp A, cách nhiệt, chống gió, chống chấn, chống ẩm và chống thấm.

03 Độ bền cao

Vách thép chống ăn mòn, chống axit, không gỉ, tuổi thọ trên 10 năm.

04 Cách âm – cách nhiệt

Kết cấu có khoang không khí giúp cách âm và cách nhiệt tốt.

05 Thẩm mỹ

Nhiều hình thức và màu sắc vách, ngoại thất sáng và hiện đại.

06 Khả năng chịu lực

Kết cấu cho phép xếp chồng nhiều tầng khi sử dụng.

Cấu tạo & hoàn thiện

Các bộ phận chính của nhà container tôn sóng

- 01 Vách tôn sóng dày**
Vách ngoài tôn sóng gia cường, sơn hoàn thiện chống ăn mòn.
- 02 Hàng rào thép mạ kẽm**
Lan can và hàng rào thép mạ kẽm cho khu vực sân thượng.
- 03 Kính cường lực trắng**
Kính 5 + 9A + 5 mm, cách âm và cách nhiệt.
- 04 Cửa nhôm kính đút cầu**
Hệ cửa nhôm đút cầu cách nhiệt, kèm khóa êm.
- 05 Sàn đá microcrystalline**
Bề mặt sàn đá nhân tạo, chống mài mòn và dễ vệ sinh.
- 06 Sân thượng**
Khu vực sân thượng có lan can bảo vệ.
- 07 Mái che**
Mái che kim loại phía trên cửa chính.
- 08 Kích thước tiêu chuẩn**
6 × 3 × 2,8 m cho mỗi module.

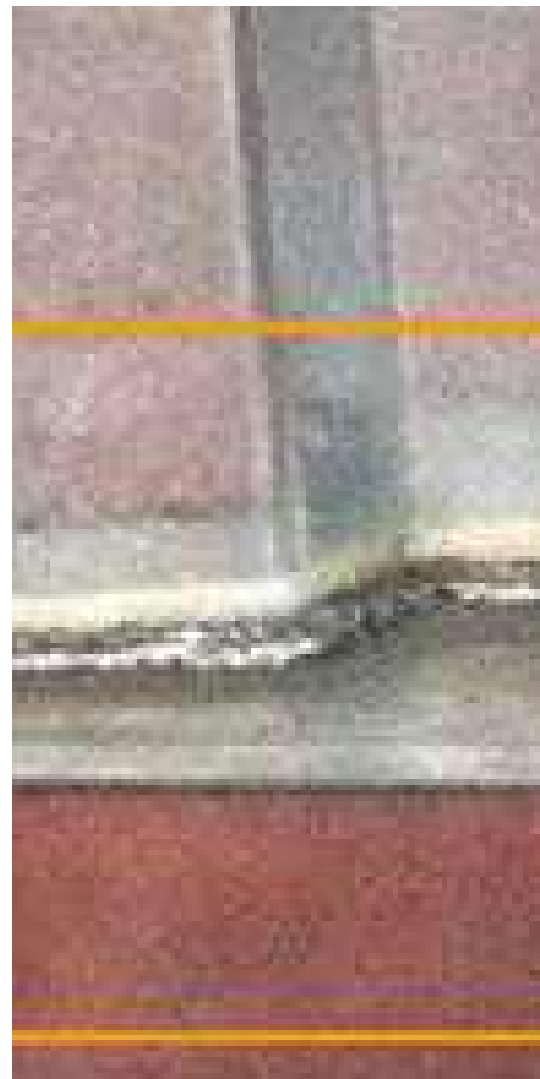


Mối hàn toàn khối

Quy trình hàn kín toàn bộ khung và vách

- 01 Chống thấm tốt**
Hàn kín giúp ngăn nước mưa xâm nhập vào bên trong.
- 02 Độ kín cao**
Hạn chế hiện tượng lọt khí, giữ ổn định nhiệt độ trong nhà.
- 03 Tăng độ cứng vững**
Liên kết hàn tăng độ ổn định tổng thể của khối container.
- 04 Chống ăn mòn**
Bề mặt được xử lý và sơn phủ, hạn chế oxy hóa mối hàn.

Mối hàn được kiểm tra ngoại quan trước khi sơn hoàn thiện.



Bảng vật tư

Nhà container tôn sóng – danh mục vật tư và quy cách

STT	HẠNG MỤC	QUY CÁCH VẬT TƯ	THÔNG SỐ
1	Khung đáy	Thép U mạ kẽm 12#	45 kg
2	Cột	Thép hộp mạ kẽm 100×100	dày 2,0 mm
3	Dầm	Thép hộp mạ kẽm 100×100	dày 2,0 mm
4	Kết cấu khung gấm	Thép cán mạ kẽm 40×80	dày 1,8 mm
5	Phụ kiện khung gấm	Thép góc mạ kẽm 5#	–
6	Móc cầu	Phụ kiện dập tiêu chuẩn	dày 7,0 mm
7	Kết cấu đỉnh	Thép hộp mạ kẽm 50×50	dày 1,8 mm
8	Tấm vách	Tôn sóng 2.500×1.150×50	0,5 mm, bông thủy tinh 40 g
9	Sàn chống cháy	Tấm xi măng 2.800×1.160×18	Chống cháy cấp A
10	Tấm trần	Tôn màu	dày 0,3 mm
11	Cách nhiệt mái	Bông thủy tinh	dày 7 cm
12	Tôn mái	Tôn màu	dày 0,5 mm
13	Cửa đi	Cửa thép chống cháy 1.970×900×50	Tiêu chuẩn
14	Cửa sổ	Cửa nhôm	Tiêu chuẩn
15	Phụ kiện đỡ	Thép tấm mạ kẽm	dày 1,2 mm
16	Aptomat	1 bộ	–
17	Ổ cắm điều hòa	1 bộ	–
18	Ổ cắm 5 lỗ	4 bộ	–
19	Công tắc đơn	1 bộ	–
20	Đèn tròn 18 W	2 bộ	–
21	Dây điện	Theo sơ đồ điện	–
22	Giá đỡ điều hòa	1 bộ	–

Danh mục áp dụng cho module tiêu chuẩn; vật tư điện và cửa có thể thay đổi theo cấu hình đơn hàng.

Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NHÀ Ở LẮP GHEP ĐÔNG PHƯƠNG LIÊN KIẾN



Địa chỉ Trụ Sở Chính: Tdp kép, phường tự lạn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế



Nhà container tôn sóng

Công trình thực tế





Nhà lắp ghép kiểu K

Khung thép nhẹ · Vách panel · Thi công hàng loạt

Nhà lắp ghép kiểu K sử dụng khung thép nhẹ làm kết cấu chịu lực, tấm panel sandwich làm vách bao che, liên kết bu lông theo mô-đun tiêu chuẩn. Kích thước cơ bản của một khoang là 3,64 × 6,16 m, có thể mở rộng theo yêu cầu.

Sản phẩm phù hợp cho công trình tạm quy mô lớn, ký túc xá, văn phòng, kho bãi và nhà phụ trợ công trường. Kết cấu kinh tế, tháo lắp thuận tiện, phù hợp triển khai số lượng lớn.

Chi phí hợp lý

Khung thép nhẹ

Thi công hàng loạt

Tháo lắp dễ dàng



苏省苏州市震泽区大船港村桥头三

Ưu điểm nhà lắp ghép kiểu K

Giải pháp kinh tế cho công trình tạm quy mô lớn

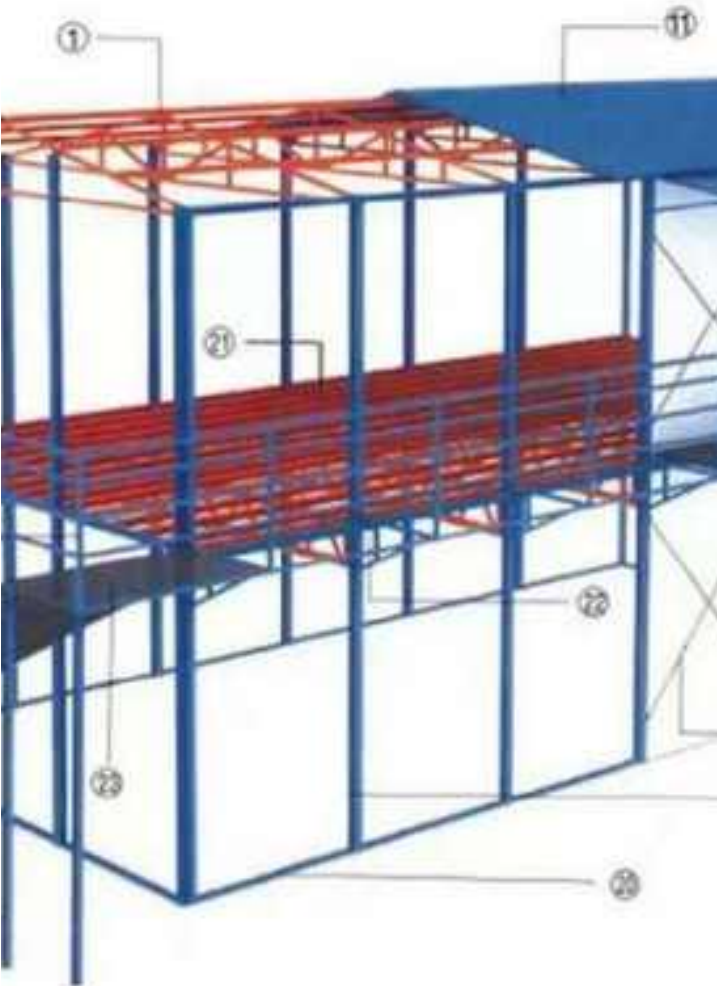
- 01 Cách nhiệt – cách âm**
Kết cấu panel sandwich cho khả năng cách nhiệt và cách âm tốt.
- 02 Tháo lắp toàn bộ**
Cấu kiện tháo lắp hoàn toàn, thuận tiện vận chuyển và tiết kiệm chi phí.
- 03 Chịu gió tốt**
Hệ kết cấu thép chịu được tốc độ gió 86,4 km/h.
- 04 Ổn định khi có chấn động**
Kết cấu nhẹ giúp công trình giữ được độ toàn khối khi xảy ra động đất.
- 05 Chống thấm mái dốc**
Mái dốc lớn kết hợp thiết kế chống thấm kết cấu, tăng độ kín khí và kín nước.

Bảng vật tư & cấu kiện

Nhà lắp ghép kiểu K – thông số kết cấu tiêu chuẩn

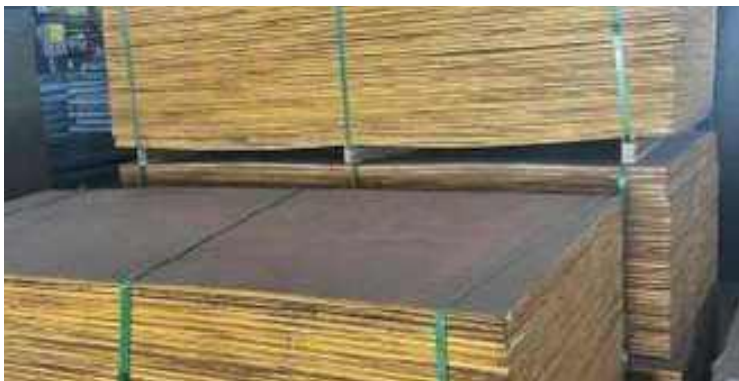
MÔ-ĐUN KHOANG 3,64 × 6,16 m	SỐ TẦNG 1 – 3 tầng
KẾT CẤU Thép nhẹ C80	VÁCH Panel 50 mm

#HẠNG MỤC	QUY CÁCH
Chiều cao thông thủy	Nhà 1 tầng: 2.600 mm
Chiều cao tầng	Nhà 2 tầng: 2.560 mm mỗi tầng
Dầm nền	Thép C80#
Cột	Thép C80# hàn
Dầm sàn	Dầm giàn song song (C80# + C50#)
Dầm phụ lộ	Thép C80#
Thanh đỡ mái	Thép C50#
Cầu thang	Thép C160×50×20, bậc thép gân 2,5 mm
Sàn hành lang	Thép gân 2,5 mm
Tấm vách	Panel tôn màu hai mặt 50 mm
Tấm mái	Panel tôn định hình hai mặt 50 mm



Vật liệu cơ bản

Vật liệu tiêu chuẩn của nhà lắp ghép kiểu K



Ván ép sàn



Cửa sổ nhựa lõi thép



Cửa chống trộm



Thép kết cấu chính



Tôn trần



Tôn mái

Vật liệu nâng cấp

Các phương án hoàn thiện cao cấp



Trần thạch cao



Trần tôn 831



Sàn MGO



Sàn gỗ



Cầu thang trong nhà

Nhà lắp ghép kiểu K

Công trình thực tế



Nhà lắp ghép kiểu K

Công trình thực tế



Nhà lắp ghép kiểu K

Công trình thực tế



Nhà lắp ghép kiểu K

Công trình thực tế



Nhà lắp ghép kiểu K

Công trình thực tế



Nhà lắp ghép kiểu K

Công trình thực tế



Nhà lắp ghép kiểu K

Công trình thực tế



Nhà lắp ghép kiểu K

Công trình thực tế

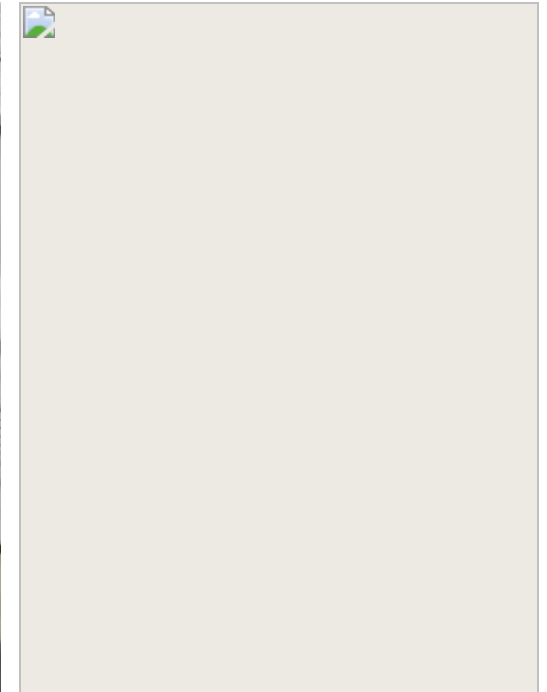


Tổng quan sản phẩm

Nhà vệ sinh di động cho công trường, khu du lịch và không gian công cộng

- 01 Nhà vệ sinh tôn màu**
Kết cấu nhẹ, lắp đặt nhanh, phù hợp công trường và khu tạm.
- 02 Nhà vệ sinh container**
Nhiều buồng vệ sinh, phù hợp khu vực công cộng, công viên, sự kiện.
- 03 Nhà vệ sinh lắp ghép**
Cấu kiện lắp ghép, vận chuyển gọn, triển khai nhanh.
- 04 Nhà vệ sinh trong nhà**
Hoàn thiện nội thất, phù hợp công trình dân dụng và thương mại.

Có thể cấu hình bồn nước, quạt thông gió, thiết bị vệ sinh, vòi sen, cửa đi – cửa sổ và vách ngăn theo điều kiện công trường.



Bảng vật tư

Nhà vệ sinh tôn màu – kích thước 1,1 × 1,2 × 2,3 m

HẠNG MỤC	CHI TIẾT	QUY CÁCH
KẾT CẤU		
Cột	Nhôm định hình cao cấp	Dày 1,5 mm, 50 mm, cạnh vát
Khung đỉnh	Nhôm định hình cao cấp	Dày 1,0 mm
Khung đáy	Thép góc 40×40	Thép góc tiêu chuẩn
Chi tiết góc đáy	Thép hộp mạ kẽm 40×40	Dày 1,2 mm, bản thép 80×80
VÁCH – MÁI – SÀN		
Mái	Tôn màu mạ kẽm	Panel EPS 0,326 mm
Sàn	Sàn nhôm chống trượt	Thép không gỉ 1,5 mm
Cửa	Cửa panel EPS	Tôn màu EPS, rộng 650 mm
Cửa sổ	Cửa chớp	Nhựa lõi thép
Tấm vách	Panel EPS	0,326 mm
PHỤ KIỆN – THIẾT BỊ		
Bảo vệ góc	Nhựa	Liên kết góc trong
Khóa	Khóa bí kim loại	Thép không gỉ
Khung cửa	Nhôm hợp kim cao cấp	Dày 1,5 mm
Biển hiệu	Nhựa acrylic	Biển chỉ dẫn
Công tắc	Công tắc quạt, công tắc đèn	–
Dây điện	0,75 mm ²	–
Thiết bị vệ sinh	Bệ xổm sứ	Kiểu công trình
Rèm	PVC	–
Bồn nước	Bồn cao cấp	Theo cấu hình
Ống nước	Ống thoát 110, 50; ống cấp 4	PVC

Chi tiết vật liệu

Thiết bị và phụ kiện của nhà vệ sinh tôn màu



Quạt thông gió



Bồn nước



Thiết bị vệ sinh



Sàn



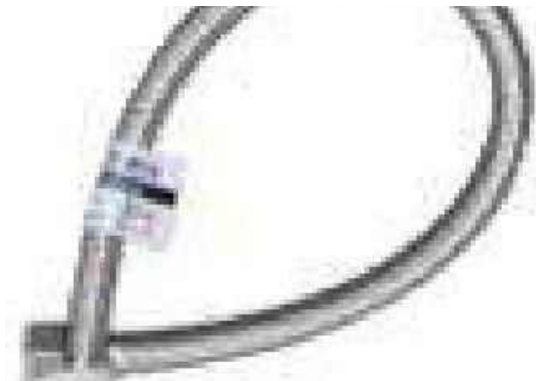
Rèm cửa

Chi tiết vật liệu

Phụ kiện hoàn thiện và hệ cấp thoát nước



Vòi sen



Van



Thoát sàn



Quạt



Ống nước



Rèm



Móc treo



Kệ

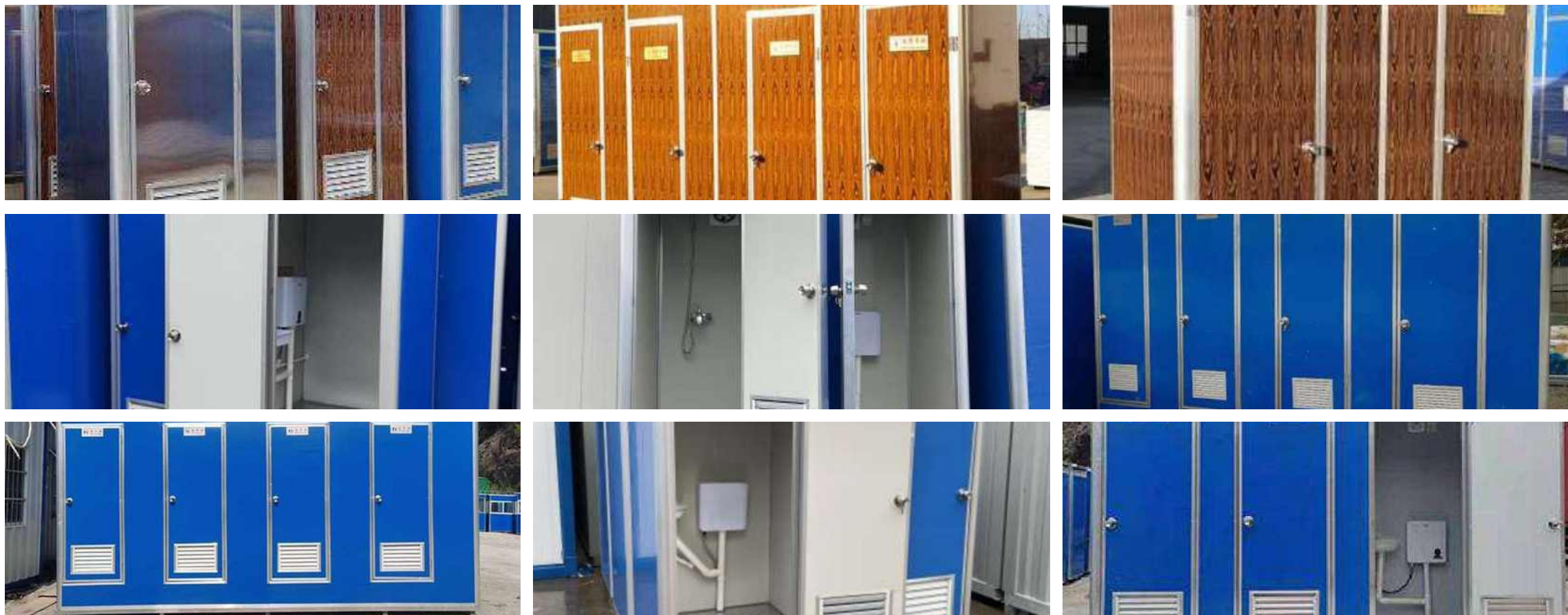
Nhà vệ sinh tôn màu

Công trình thực tế



Nhà vệ sinh tôn màu

Công trình thực tế



Nhà vệ sinh tôn màu

Công trình thực tế



Nhà vệ sinh công cộng container

Công trình thực tế



Nhà vệ sinh công cộng container

Công trình thực tế



Cấu kiện nhà vệ sinh lắp ghép

Danh mục cấu kiện của nhà vệ sinh ngoài trời

KÍCH THƯỚC Theo cấu hình	VẬT LIỆU Panel + khung thép
LẮP ĐẶT Không cần móng	DI CHUYỂN Bằng cầu hoặc xe nâng

#STT	CẤU KIỆN	CHỨC NĂNG
1	Tấm mái	Che mưa, bảo vệ kết cấu
2	Dầm đỉnh sau	Liên kết khung phía sau
3	Vít tự khoan	Liên kết tấm vách
4	Dầm đỉnh trước	Liên kết khung phía trước
5	Tấm sau	Vách bao che phía sau
6	Tấm bên	Vách bao che hai bên
7	Cửa mở	Cửa ra vào
8	Tấm trượt	Để trượt khi di chuyển
9	Khung đế	Đỡ toàn bộ khối nhà
10	Chân đế	Chân kê ổn định
11	Tấm truy cập	Cửa kiểm tra kỹ thuật



Nhà vệ sinh lắp ghép

Công trình thực tế



Nhà vệ sinh lắp ghép

Công trình thực tế



Nhà vệ sinh trong nhà

Công trình thực tế



Nhà vệ sinh trong nhà

Công trình thực tế



Nhà vệ sinh trong nhà

Công trình thực tế



Tấm panel & panel phòng sạch

Giải pháp vách, trần và phòng sạch cho công trình công nghiệp

01 Tấm bông khoáng
Cách nhiệt, chống cháy cấp A, dùng cho phòng sạch và vách công nghiệp.

02 Tấm EPS
Nhẹ, cách nhiệt, chi phí hợp lý cho nhà tạm và vách ngăn.

03 Tấm silicat
Chống cháy cấp A, cách nhiệt, phù hợp xưởng sản xuất.

04 Tấm magie rỗng
Chống cháy, chống ẩm, bề mặt phẳng cho phòng sạch.

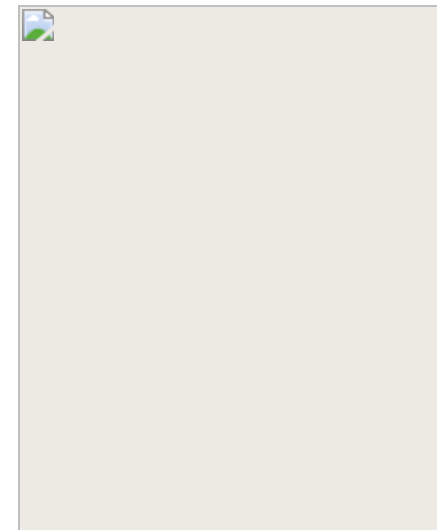
05 Tấm magie oxysulfide
Chống cháy, cách âm, chịu lực tốt.

06 Tấm polyurethane
Cách nhiệt cao, chống ẩm, dùng cho kho lạnh.

07 Tấm vàng thật
Chống nước, chống thấm, cách nhiệt, thân thiện môi trường.

08 Tấm phenolic
Chống cháy, cách nhiệt, cách âm, chịu lực.

09 Tấm nhôm tổ ong



Tấm bông khoáng

Panel bông khoáng – cách nhiệt và chống cháy

CHIỀU RỘNG 950 – 1.150 mm	ĐỘ DÀY 50 – 200 mm
CHỐNG CHÁY Cấp A	LỖI Bông khoáng

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	950 mm / 1.150 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 / 150 / 200 mm
Vật liệu	Bông khoáng mật độ cao, tôn mạ kẽm (tôn màu)
Đặc điểm	Cách nhiệt, cách âm, lắp đặt thuận tiện
Chống cháy	Cấp A

Ứng dụng: phòng sạch, xưởng không bụi, trần và vách xưởng chống cháy, phòng sấy, buồng sơn, thiết bị công nghiệp, cách nhiệt và cách âm công trình, tàu thủy.



Tấm bông khoáng

Ứng dụng thực tế

Tấm bông khoáng được sử dụng cho phòng sạch, xưởng không bụi, trần và vách ngăn của xưởng chống cháy – chống nổ.

Ngoài ra, sản phẩm còn phù hợp cho phòng sấy, buồng sơn, thiết bị công nghiệp, công trình xây dựng và tàu thủy nhờ khả năng cách nhiệt và cách âm tốt.

Phòng sạch	Xưởng không bụi
Chống cháy cấp A	Cách âm



Tấm EPS

Panel xốp EPS – nhẹ và kinh tế

CHIỀU RỘNG 950 – 1.150 mm	ĐỘ DÀY 50 – 100 mm
CHỐNG CHÁY Cấp B	LỖI Xốp EPS

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	950 mm / 1.150 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 mm
Vật liệu	Xốp EPS và tôn màu
Đặc điểm	Nhẹ, dễ lắp đặt, cường độ cao, cách nhiệt, cách âm, chống thấm, chống ẩm
Chống cháy	Cấp B

Ứng dụng: nhà tiền chế, xưởng sản xuất, vách ngăn văn phòng, vách ngoài nhà kết cấu thép, công trình tạm tại công trường (văn phòng, kho, hàng rào).



Tấm EPS

Ứng dụng thực tế

Tấm EPS phù hợp cho vách ngoài nhà tiền chế, xưởng sản xuất, vách ngăn văn phòng và nhà kết cấu thép.

Sản phẩm cũng được dùng cho các công trình tạm tại công trường như văn phòng, kho bãi và hàng rào bao quanh.

Nhà tiền chế	Vách ngăn văn phòng
Công trình tạm	Hàng rào



Tấm silicat

Panel lõi silicat – chống cháy cao

CHIỀU RỘNG 950 – 1.150 mm	ĐỘ DÀY 50 – 150 mm
CHỐNG CHÁY Cấp A	LỖI Silicat

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	950 mm / 1.150 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 / 150 mm
Vật liệu	Lõi silicat và tôn màu
Đặc điểm	Cách nhiệt, lắp đặt thuận tiện, chịu lửa tốt
Chống cháy	Cấp A

Ứng dụng: xưởng sản xuất, gác lửng văn phòng, vách ngoài nhà kết cấu thép, ký túc xá tạm cho công nhân.



Tấm silicat

Ứng dụng thực tế

Tấm silicat được dùng cho xưởng sản xuất, gác lửng văn phòng, vách ngoài nhà kết cấu thép.

Sản phẩm cũng phù hợp cho ký túc xá tạm của công nhân tại công trường nhờ khả năng chống cháy và cách nhiệt.

Xưởng sản xuất

Gác lửng

Vách ngoài

Ký túc xá



Tấm magie rỗng

Panel magie rỗng – phẳng và chống ẩm

CHIỀU RỘNG 950 – 1.150 mm	ĐỘ DÀY 50 – 100 mm
CHỐNG CHÁY Cấp A	LỖI Magie rỗng

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	950 mm / 1.150 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 mm
Vật liệu	Lõi magie rỗng và tôn màu
Đặc điểm	Chống cháy, chống nước, không mùi, không độc, không đóng băng, không mục, không cháy, cường độ cao, nhẹ, tuổi thọ dài
Chống cháy	Cấp A

Ứng dụng: vách ngăn và trần cho ngành thực phẩm, dược phẩm, điện tử và nhiều không gian khác.



Tấm magie rỗng

Ứng dụng thực tế

Tấm magie rỗng được ứng dụng rộng rãi trong ngành thực phẩm, dược phẩm và điện tử.

Sản phẩm phù hợp cho vách ngăn và trần của phòng sạch, xưởng sản xuất và khu vực yêu cầu vệ sinh cao.

Thực phẩm	Dược phẩm
Điện tử	Vách ngăn & trần



Tấm magie oxysulfide

Panel magie oxysulfide – chịu lực và cách âm

CHIỀU RỘNG 1.150 mm	ĐỘ DÀY 50 – 200 mm
CHỐNG CHÁY Cấp A	LỖI Magie oxysulfide

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	1.150 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 / 150 / 200 mm
Vật liệu	Magie oxysulfide và tôn màu
Đặc điểm	Chống cháy, chống ẩm, chống bong keo, cường độ cao, cách nhiệt, hút âm
Chống cháy	Cấp A

Ứng dụng: mái và vách xưởng kết cấu thép, xưởng gia công chuyên dụng, nhà di động đơn giản, trần và vách phòng sạch trong xưởng điện tử.



Tấm magie oxysulfide

Ứng dụng thực tế

Sản phẩm được dùng cho mái và vách xưởng kết cấu thép, xưởng gia công chuyên dụng và nhà di động đơn giản.

Tấm cũng phù hợp cho trần và vách ngăn phòng sạch, phổ biến trong các xưởng điện tử.

Xưởng kết cấu thép

Nhà di động

Phòng sạch

Xưởng điện tử



Tấm polyurethane

Panel PU – cách nhiệt cao

CHIỀU RỘNG 950 – 1.150 mm	ĐỘ DÀY 50 – 100 mm
CHỐNG CHÁY Cấp B	LỖI Polyurethane

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	950 mm / 1.150 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 mm
Vật liệu	Lõi polyurethane và tôn màu
Đặc điểm	Cách nhiệt, chống ăn mòn, chống ẩm, an toàn và thân thiện môi trường
Chống cháy	Cấp B

Ứng dụng: công trình sạch cho điện tử, sinh học, thực phẩm, dược phẩm và bệnh viện; đặc biệt phù hợp xưởng và kho yêu cầu cấp sạch cao.



Tấm polyurethane

Ứng dụng thực tế

Tấm PU được dùng trong các công trình sạch thuộc lĩnh vực điện tử, sinh học, thực phẩm, dược phẩm và bệnh viện.

Sản phẩm đặc biệt phù hợp cho xưởng sản xuất và kho bãi yêu cầu cấp sạch cao.

Điện tử	Dược phẩm
Bệnh viện	Kho lạnh



Tấm vàng thật

Panel vàng thật – chống nước và cách nhiệt

CHIỀU RỘNG 1.150 mm	ĐỘ DÀY 50 – 150 mm
CHỐNG CHÁY Cấp B1	LỖI Tấm vàng thật

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	1.150 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 / 150 mm
Vật liệu	Tấm vàng thật và tôn màu
Đặc điểm	Chống nước, chống ẩm, chịu chu kỳ đông – tan, chống thấm, cách nhiệt, chống cháy, nhẹ, thân thiện môi trường
Chống cháy	Cấp B1

Ứng dụng: nhà máy dược phẩm, phòng thí nghiệm, nhà máy điện tử, nhà máy thực phẩm và phòng không bụi.



Tấm vàng thật

Ứng dụng thực tế

Sản phẩm được sử dụng cho nhà máy dược phẩm, phòng thí nghiệm, nhà máy điện tử và nhà máy thực phẩm.

Tấm cũng phù hợp cho phòng không bụi và khu vực yêu cầu kiểm soát độ ẩm.

Dược phẩm	Phòng thí nghiệm
Điện tử	Phòng không bụi



Tấm phenolic

Panel phenolic – chống cháy và cách âm

CHIỀU RỘNG 950 – 1.150 mm	ĐỘ DÀY 50 – 150 mm
CHỐNG CHÁY Cấp B	LỖI Xốp phenolic

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	950 mm / 1.150 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 / 125 / 150 mm
Vật liệu	Lõi xốp phenolic và tôn màu
Đặc điểm	Chống cháy tốt, cách nhiệt tốt, cách âm tốt, chịu lực cao, nhẹ, thân thiện môi trường, kinh tế, thi công nhanh
Chống cháy	Cấp B

Ứng dụng: vách ngoài và vách ngăn trong của nhà tạm, công trình kết cấu thép, phòng sạch, kho lạnh và thùng thiết bị sấy lớn.



Tấm phenolic

Ứng dụng thực tế

Tấm phenolic phù hợp cho vách ngoài, vách ngăn trong của nhà tạm, công trình kết cấu thép, phòng sạch và kho lạnh.

Sản phẩm cũng được dùng cho thùng của các thiết bị sấy quy mô lớn.

Nhà tạm	Phòng sạch
Kho lạnh	Thiết bị sấy



Tấm nhôm tổ ong

Panel nhôm tổ ong – phòng sạch thủ công

CHIỀU RỘNG 1.180 mm	ĐỘ DÀY 50 – 100 mm
CHỐNG CHÁY Cấp A	LỖI Nhôm tổ ong

#THÔNG SỐ	NỘI DUNG
Chiều rộng	1.180 mm
Độ dày	50 / 75 / 100 mm
Vật liệu	Lõi nhôm tổ ong và tôn màu
Đặc điểm	Cách âm, cách nhiệt, chống cháy, nhẹ, thi công thuận tiện
Chống cháy	Cấp A

Ứng dụng: cánh cửa, tấm chắn và vách phòng sạch yêu cầu bề mặt phẳng, độ nhẹ và khả năng cách âm.





LIÊN HỆ HỢP TÁC

Kết nối với chúng tôi

Đội ngũ tư vấn sẵn sàng hỗ trợ cấu hình sản phẩm, báo giá và tiến độ giao hàng cho từng dự án.

ĐIỆN THOẠI / ZALO / WHATSAPP

+86 152 5050 8864

ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Tdp kép, phường tự lạn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

EMAIL

75273449@qq.com